

**KHUNG CHƯƠNG TRÌNH HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH KHÁM BỆNH,
CHỮA BỆNH ĐỂ CẤP GIẤY PHÉP HÀNH NGHỀ
TẠI BỆNH VIỆN ĐA KHOA KHU VỰC THÁP MƯỜI**

(Kèm theo bản công bố số: 494/BVTM ngày 16 tháng 7 năm 2024
của Bệnh viện Đa khoa khu vực Tháp Mười)

ĐỐI VỚI CHỨC DANH BÁC SỸ

Đối tượng: Bác sĩ chưa được cấp giấy phép hành nghề.

Chương trình thực hành lâm sàng được xây dựng dựa trên các chuẩn năng lực giúp người thực hành sau khi hoàn thành có khả năng đáp ứng được nhu cầu chăm sóc sức khỏe ban đầu. Các mốc phát triển năng lực trong chương trình được quy định cụ thể và mô tả đầy đủ để người thực hành biết cần phải làm gì để đạt được năng lực sau 12 tháng.

1. Mục tiêu học tập

1.1. Yêu cầu về kiến thức:

2.1.1. Áp dụng được kiến thức khoa học cơ bản, y học cơ sở và lâm sàng vào giải quyết các vấn đề sức khỏe, các bệnh lý thường gặp ở người bệnh (bao gồm chẩn đoán và lọc bệnh ban đầu để xử lý hoặc chuyển tuyến phù hợp và kịp thời; điều trị; chăm sóc; phòng ngừa).

1.1.2. Áp dụng được y học dựa trên chứng cứ trong thực hành chăm sóc sức khỏe người bệnh.

1.2. Yêu cầu về kỹ năng:

1.2.1. Hỏi bệnh, khám, tổng hợp và diễn giải thông tin lâm sàng và cận lâm sàng để đưa ra chẩn đoán (chẩn đoán ban đầu, chẩn đoán phân biệt và chẩn đoán xác định) các bệnh lý thường gặp.

1.2.2. Lập kế hoạch điều trị, chăm sóc sức khỏe toàn diện cho người bệnh.

1.2.3. Thực hiện được sơ cấp cứu và điều trị bệnh phù hợp với vai trò, chức năng bác sĩ đa khoa, đảm bảo quy định kiểm soát nhiễm khuẩn và an toàn người bệnh.

1.2.4. Giao tiếp và phối hợp hiệu quả với người bệnh và người thân, đồng nghiệp và cộng đồng.

1.2.5. Thực hiện tổ chức, quản lý và duy trì môi trường làm việc chuyên môn một cách an toàn và hiệu quả.

1.3. Yêu cầu về thái độ:

1.3.1. Tuân thủ các quy định pháp lý và chuẩn đạo đức nghề nghiệp trong thực hành chăm sóc sức khỏe người bệnh.

1.3.2. Tôn trọng và thấu cảm với người bệnh và thân nhân người bệnh.

1.3.3. Tự phản ánh, nhận ra điểm mạnh và điểm yếu của bản thân để học hỏi liên tục.

1.3.4. Khiêm tốn và sẵn sàng tiếp nhận phản hồi từ đồng nghiệp và người bệnh để cải thiện bản thân.

1.3.5. Trung thực báo cáo những sai sót của bản thân và của hệ thống y tế trong thực hành nghề nghiệp.

2. Khung chương trình thực hành 12 tháng y khoa

Tổng thời gian thực hành khám bệnh, chữa bệnh của bác sỹ là 12 tháng theo quy định của Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ, được phân bổ như sau:

Chuyên khoa	Khoa thực hành	Thời gian	Ghi chú
2.1. Đối với Bác sỹ y khoa			
Hồi sức cấp cứu	Khoa Cấp cứu- Hồi sức tích cực - Chống độc	3 tháng (480 tiết)	Bắt buộc
Nội khoa	+ Khoa Nội tổng hợp + Khoa Nội Tim mạch – Thần kinh - Lão học + Khoa Truyền nhiễm	2 tháng (320 tiết)	Chọn 2 khoa, trong đó có Nội Tổng hợp
Ngoại khoa	Khoa Ngoại tổng hợp	2 tháng (320 tiết)	
Sản phụ khoa	Khoa Phụ Sản	2 tháng (320 tiết)	
Nhi khoa	Khoa Nhi	2 tháng (320 tiết)	
Chuyên khoa khác	Khoa Liên chuyên khoa: Mắt, Tai mũi họng	1 tháng (160 tiết)	
2.1.1 Đối với Bác sỹ y khoa (có nhu cầu định hướng Nội khoa)			
Hồi sức cấp cứu	Khoa Cấp cứu - Hồi sức tích cực - Chống độc	3 tháng (480 tiết)	Bắt buộc
Nội khoa	+ Khoa Nội tổng hợp + Khoa Nội Tim mạch – Thần kinh - Lão học + Khoa Truyền nhiễm	5,5 tháng (880 tiết)	Chọn 2 khoa, trong đó có Nội Tổng hợp
Ngoại khoa	Khoa Ngoại tổng hợp	1 tháng (160 tiết)	
Sản phụ khoa	Khoa Phụ Sản	1 tháng (160 tiết)	
Nhi khoa	Khoa Nhi	1 tháng (160 tiết)	
Chuyên khoa khác	Khoa Liên chuyên khoa: Mắt, Tai mũi họng	02 tuần (80 tiết)	
2.1.2 Đối với Bác sỹ y khoa (có nhu cầu định hướng Ngoại khoa)			
Hồi sức cấp cứu	Khoa Cấp cứu - Hồi sức tích cực - Chống độc	3 tháng (480 tiết)	Bắt buộc
Nội khoa	Khoa Nội tổng hợp	1 tháng (160 tiết)	

Ngoại khoa	Khoa Ngoại tổng hợp	5,5 tháng (880 tiết)	
Sản phụ khoa	Khoa Phụ Sản	1 tháng (160 tiết)	
Nhi khoa	Khoa Nhi	1 tháng (160 tiết)	
Chuyên khoa khác	Khoa Liên chuyên khoa: Mắt, Tai mũi họng	02 tuần (80 tiết)	

2.1.3 Đối với Bác sỹ y khoa (có nhu cầu định hướng Sản khoa)

Hồi sức cấp cứu	Khoa Cấp cứu - Hồi sức tích cực - Chống độc	3 tháng (480 tiết)	Bắt buộc
Nội khoa	Khoa Nội tổng hợp	1 tháng (160 tiết)	
Ngoại khoa	Khoa Ngoại tổng hợp	1 tháng (160 tiết)	
Sản phụ khoa	Khoa Phụ Sản	5,5 tháng (880 tiết)	
Nhi khoa	Khoa Nhi	1 tháng (160 tiết)	
Chuyên khoa khác	Khoa Liên chuyên khoa: Mắt, Tai mũi họng	02 tuần (80 tiết)	

2.1.4 Đối với Bác sỹ y khoa (có nhu cầu định hướng Nhi khoa)

Hồi sức cấp cứu	Khoa Cấp cứu - Hồi sức tích cực - Chống độc	3 tháng (480 tiết)	Bắt buộc
Nội khoa	Khoa Nội tổng hợp	1 tháng (160 tiết)	
Ngoại khoa	Khoa Ngoại tổng hợp	1 tháng (160 tiết)	
Sản phụ khoa	Khoa Phụ Sản	1 tháng (160 tiết)	
Nhi khoa	Khoa Nhi	5,5 tháng (880 tiết)	
Chuyên khoa khác	Khoa Liên chuyên khoa: Mắt, Tai mũi họng	02 tuần (80 tiết)	

2.2. Đối với bác sỹ y học cổ truyền

Hồi sức và cấp cứu	Khoa Cấp cứu - Hồi sức tích cực - Chống độc	3 tháng (480 tiết)	Bắt buộc
Chuyên khoa	+ Khoa Y học cổ truyền + Khoa VLTL-PHCN	9 tháng (1440 tiết)	

2.3. Đối với bác sỹ răng hàm mặt

Hồi sức và cấp cứu	Khoa Cấp cứu - Hồi sức tích cực - Chống độc	3 tháng (480 tiết)	Bắt buộc
Chuyên khoa	Khoa Liên chuyên khoa: Răng hàm mặt	9 tháng (1440 tiết)	
2.4. Đối với bác sỹ y học dự phòng			
Hồi sức cấp cứu	Khoa Cấp cứu - Hồi sức tích cực - Chống độc	3 tháng (480 tiết)	Bắt buộc
Truyền nhiễm	Khoa Truyền nhiễm	2 tháng (320 tiết)	
Kiểm soát nhiễm khuẩn	Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn	2 tháng (320 tiết)	
Nội khoa	Khoa Nội tổng hợp	1 tháng (160 tiết)	
Ngoại khoa	Khoa Ngoại tổng hợp	1 tháng (160 tiết)	
Sản phụ khoa	Khoa Phụ Sản + Tiêm chủng	2 tháng (320 tiết)	
Nhi khoa	Khoa Nhi	1 tháng (160 tiết)	

**** Lưu ý:**

- Học viên sẽ được kiểm tra, đánh giá kỹ năng khám bệnh, chữa bệnh sau khi kết thúc thực hành mỗi chuyên khoa.

- Lịch thực hành của học viên sẽ do Phòng Kế hoạch tổng hợp sắp xếp để phân bổ số lượng học viên hợp lý tại các khoa cùng một thời điểm.

- Học viên thực hành luân phiên, tập trung, toàn thời gian thời gian thực hành tại các khoa.

- Tại mỗi khoa, học viên tham gia thực hành và trực theo quy định của Bệnh viện.

- Học viên phải tham dự > 90% tổng thời lượng chương trình.

- Trường hợp phải dừng thực hành vì lý do sức khỏe hoặc vì các lý do bất khả kháng khác, người thực hành được hướng dẫn thực hiện thủ tục xin bảo lưu kết quả thực hành (theo quy định tại Điều 4 Nghị định 96/2023/CP-NĐ)

3. Nội dung và phương pháp giảng dạy

3.1. Lý thuyết

CHUYÊN KHOA	CHỦ ĐỀ
Hồi sức cấp cứu	1. Cấp cứu ngưng hô hấp, tuần hoàn 2. Cấp cứu dị vật đường thở 3. Cấp cứu người bệnh tự sát
	4. Phân loại bệnh: Nhận biết các dấu hiệu nặng, lọc bệnh cấp cứu 5. Tiếp cận chẩn đoán và xử trí bệnh: Suy hô hấp; Suy hô hấp nặng do đợt cấp mất bù cấp của bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính; Con hen nặng và nguy

	<p>kịch; Rối loạn tri giác; Hôn mê hạ đường huyết; Hôn mê do tăng áp lực thẩm thấu do đái tháo đường; Xuất huyết não; Sốc (Sốc giảm thể tích máu, Sốc tim, Sốc nhiễm khuẩn) Co giật; Ngộ độc, tai nạn (rắn cắn, ong đốt, ngạt nước, điện giật); Rối loạn điện giải, kiềm toan; Xuất huyết tiêu hoá; Viêm tụy cấp nặng; Hội chứng mạch vành cấp; Phù phổi cấp; Nhịp nhanh kịch phát trên thất; Nhịp nhanh thất</p> <p>6. Tiếp cận chẩn đoán, điều trị và chăm sóc bệnh nhân bỏng</p> <p>7. Cấp cứu ngoại khoa: chấn thương, bụng ngoại khoa</p> <p>8. Chỉ định và các chế độ cơ bản trong thông khí hỗ trợ</p>
Nội khoa	<p>1. Chẩn đoán, điều trị và chăm sóc bệnh nhân Nội tim mạch – Thần kinh-Lão học: Tăng huyết áp; Mạch vành mạn ổn định; Suy tim; Rung nhĩ; Bệnh lý van tim, Rối loạn lipid máu; Nhồi máu não; Động kinh</p> <p>2. Chẩn đoán, điều trị và chăm sóc bệnh nhân Nội tổng hợp: Xơ gan; Loét dạ dày tá tràng; Viêm dạ dày HP (+); Trào ngược dạ dày-thực quản; Viêm phổi; Hen phế quản; đợt cấp bệnh phổi mãn tính; Bệnh thận mạn; Đái tháo đường; Basedow; Suy giáp; Hội chứng thận hư, Nhiễm trùng tiểu; Viêm cầu thận cấp; Bệnh lý tuyến giáp (bao gồm Basedow, Suy giáp...); bệnh lý tuyến thượng thận</p> <p>3. Truyền nhiễm: Chẩn đoán và điều trị bệnh COVID-19, những kiến thức cơ bản hậu COVID-19 và người mắc bệnh dịch mới nổi; Bệnh viêm não do virus herpes simplex; Bệnh viêm màng não nhiễm khuẩn; Bệnh thủy đậu; Bệnh uốn ván; Bệnh thương hàn, Bệnh lý trực khuẩn; Bệnh cúm mùa; Bệnh viêm màng não tăng bạch cầu ái toan; Bệnh nhiễm trùng ở da và mô mềm; Bệnh tiêu chảy do vi khuẩn; Nhiễm khuẩn huyết</p>
Ngoại khoa	<p>Chẩn đoán, điều trị và chăm sóc bệnh nhân:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Suy thận cấp sau thận 2. Điều trị xuất huyết tiêu hoá trên 3. Lồng ruột 4. Tắc tá tràng 5. Tắc ruột cơ học 6. Thoát vị hoành 7. Tràn máu màng phổi 8. Tràn khí màng phổi 9. Thoát vị bẹn 10. Tinh hoàn ẩn 11. U phì đại lành tính tuyến tiền liệt 12. Ung thư dương vật 13. Ung thư đại tràng và trực tràng 14. Thận ứ mủ 15. Ung thư tuyến dạ dày 16. Bệnh lý ống bẹn 17. Điều trị sỏi mật 18. Bướu giáp đơn nhân 19. Dị dạng hậu môn trực tràng 20. Dị tật lỗ tiểu thấp 21. Chọn vị trí cắt cụt chi dưới ở bệnh nhân đái tháo đường 22. Phẫu thuật giải áp hội chứng chèn ép khoang (CEK)

	<p>23. Xử trí gãy hở thân xương chày trong cấp cứu</p> <p>24. Xử trí nhiễm trùng sau mổ kết hợp xương</p> <p>25. Xử trí vết thương phần mềm</p> <p>26. Chấn thương ngực</p> <p>27. Bàn chân tiểu đường</p> <p>28. Chấn thương niệu nạo</p> <p>29. Chấn thương sọ não</p> <p>30. Điều trị bảo tồn trật khớp</p> <p>31. Điều trị gãy xương chi dưới</p> <p>32. Điều trị gãy xương chi trên</p> <p>33. Vết thương sọ não và lõm sọ hở</p> <p>34. Chấn thương và vết thương bụng</p> <p>35. Rò hậu môn</p> <p>36. Thủng dạ dày – Tá tràng</p> <p>37. Trĩ</p> <p>38. Viêm ruột thừa.</p>
Sản phụ khoa	<p>Chẩn đoán, điều trị và chăm sóc bệnh nhân:</p> <p>1. Đánh giá sức khỏe thai trước chuyển dạ</p> <p>2. Đánh giá sức khỏe thai trong chuyển dạ</p> <p>3. Doạ sanh non, sanh non</p> <p>4. Chuyển dạ sinh non</p> <p>5. Khởi phát chuyển dạ</p> <p>6. Thai suy trong chuyển dạ</p> <p>7. Thiếu ối</p> <p>8. Tăng huyết áp thai kỳ</p> <p>9. Sanh thường</p> <p>10. Mổ lấy thai</p> <p>11. Thai chậm tăng trưởng trong tử cung</p> <p>12. Băng huyết sau sinh</p> <p>13. Vỡ tử cung</p> <p>14. Bí tiểu sau sinh</p> <p>15. Kháng sinh dự phòng trong sản phụ khoa</p> <p>16. Cấp cứu sặc sữa</p> <p>17. Thai ở sọc mổ lấy thai</p> <p>18. Sa sinh dục</p> <p>19. Áp xe phần phụ</p> <p>20. Xử trí băng huyết trong và sau khi hút thai</p> <p>21. Điều trị thai lưu đến hết 12 tuần</p> <p>22. Xử trí sảy thai đang tiến triển</p> <p>23. Điều trị sót nhau, sót thai</p> <p>24. Đặt và tháo dụng cụ tử cung</p> <p>25. Doạ sảy thai</p> <p>26. Khám thai</p> <p>27. Thai lưu</p> <p>28. Thai ngoài tử cung</p>

	29. U xơ tử cung 30. Viêm sinh dục
Nhi khoa	Chẩn đoán, điều trị và chăm sóc: 1. Suy hô hấp cấp ở trẻ sơ sinh 2. Hỗ trợ hô hấp trong suy hô hấp cấp sơ sinh 3. Hạ đường huyết sơ sinh 4. Co giật sơ sinh 5. Nhiễm trùng huyết sơ sinh 6. Nhiễm trùng rốn sơ sinh 7. Vàng da sơ sinh do tăng Bilirubin gián tiếp 8. Suy hô hấp cấp ở trẻ em 9. Co giật ở trẻ em 10. Ngộ độc cấp trẻ em 11. Sốc ở trẻ em 12. Nhiễm trùng huyết 13. Nhiễm trùng tiểu 14. Điều trị suyễn ở trẻ em 15. Viêm phổi 16. Viêm tiểu phế quản 17. Điều trị tăng huyết áp ở trẻ em
Mắt	Chẩn đoán, điều trị và chăm sóc bệnh nhân: 1. Bỏng mắt do hoá chất 2. Viêm kết mạc cấp 3. Viêm loét giác mạc do vi khuẩn 4. Viêm kết mạc dị ứng cấp
Tai mũi họng	Chẩn đoán, điều trị và chăm sóc bệnh nhân: 1. Viêm Amidan cấp và mạn tính 2. Viêm họng cấp tính 3. Viêm mũi họng cấp 4. Viêm ống tai ngoài
Răng hàm mặt	Chẩn đoán, điều trị và chăm sóc bệnh nhân: 1. Nang nhái sàn miệng 2. Răng khôn mọc lệch 3. Viêm tuỷ răng
Y dược cổ truyền và Phục hồi chức năng	Điều trị và chăm sóc bệnh nhân Y dược cổ truyền: 1. Thoái hoá khớp gối 2. Bệnh gút 3. Viêm quanh khớp vai 4. Đau thắt lưng 5. Đau thần kinh tọa 6. Hội chứng cổ, vai, cánh tay 7. Thoái hoá cột sống thắt lưng 8. Thoái hoá cột sống cổ 9. Di chứng tai biến mạch máu não 10. Liệt thần kinh VII ngoại biên

	11. Sỏi thận – Tiết niệu 12. Viêm xoang cấp – mạn 13. Hư lao (suy nhược cơ thể) 14. Bại não Điều trị và chăm sóc bệnh nhân Vật lý trị liệu – Phục hồi chức năng: 1. Phục hồi chức năng bại não thể phối hợp 2. Phục hồi chức năng tiêu chòm xương đùi vô khuẩn 3. Phục hồi chức năng viêm quanh khớp vai 4. Phục hồi chức năng sau phẫu thuật thay khớp gối 5. Phục hồi chức năng thoái hoá cột sống cổ 6. Thoát vị đĩa đệm cột sống cổ 7. Phục hồi chức năng thoái hoá cột sống thắt lưng – cùng 8. Phục hồi chức năng đau thắt lưng 9. Phục hồi chức năng đau thần kinh tọa 10. Thoát vị đĩa đệm cột sống thắt lưng 11. Phục hồi chức năng liệt nửa người do tai biến mạch máu não 12. Phục hồi chức năng liệt dây VII ngoại biên 13. Phục hồi chức năng hội chứng đường hầm cổ tay 14. Phục hồi chức năng loét do đè ép 15. Phục hồi chức năng thoái hoá khớp
--	---

Lồng ghép hướng dẫn về các quy định pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh; đạo đức hành nghề, ứng xử người hành nghề... (*Phụ lục 1*)).

Người thực hành học bài lý thuyết được quy định trước tại nhà theo các tài liệu lý thuyết đã được học.

Phương pháp dạy học lâm sàng: Mô phỏng, học dựa trên tình huống, dạy học bên giường bệnh.

3.2. Thực hành

Người thực hành đi luân phiên các chuyên khoa: Hồi sức cấp cứu; Nội; Ngoại; Sản phụ khoa; Nhi; Mắt; Tai Mũi Họng; Răng Hàm Mặt; Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng. Trường khoa phân công:

- Cho người thực hành một số giường bệnh để theo dõi. Người thực hành báo cáo ca bệnh mỗi ngày tại giường bệnh cho bác sỹ hướng dẫn thực hành phụ trách người bệnh. Bác sỹ điều trị sẽ giảng dạy & phản hồi tại giường bệnh mỗi ngày.
- Bác sỹ hướng dẫn thực hành của khoa theo dõi quá trình học tập của người thực hành.
- Người thực hành tham gia trực theo quy định tại Bệnh viện trong suốt thời gian học.
- Người thực hành thực hiện các hoạt động nghề nghiệp trong mục tiêu học tập, trên các bệnh lý và các thủ thuật cơ bản đã nêu ra ở trên theo yêu cầu và dưới sự giám sát của bác sỹ hướng dẫn thực hành.

Bảng 1: Danh mục kỹ thuật chuyên môn áp dụng cho Bác sỹ y khoa, bác sỹ y học dự phòng

STT	THỦ THUẬT	CHỈ TIÊU
1	Thở oxy	10
2	Lắp và cài đặt thông số NCPAP	5
3	Chỉ định và chăm sóc người bệnh thở máy	1
4	Kỹ thuật phun khí dung	2
5	Đặt nội khí quản	1
6	Băng ép, garo cầm máu	2
7	Cố định tạm thời người bệnh gãy xương	2
8	Bất động cột sống cổ bằng nẹp cứng	2
9	Vận chuyển người bệnh an toàn	2
10	Cấp cứu ngừng tuần hoàn hô hấp	1
11	Sốc điện ngoài lồng ngực cấp cứu	1
12	Chọc dò dịch màng phổi, chọc hút khí màng phổi	1
13	Chọc dịch tủy sống	1
14	Đặt catheter tĩnh mạch	1
15	Truyền máu và các chế phẩm máu	1
16	Ghi điện tim cấp cứu tại giường	5
17	Đờ đẻ thường ngôi chòm	1
18	Cắt và khâu tầng sinh môn	1
19	Khám thai	5
20	Bóc nang tuyến Bartholin	1
21	Khâu phục hồi rách cổ tử cung, âm đạo	1
22	Cắt chỉ khâu vòng cổ tử cung	2
23	Khám phụ khoa	5
24	Làm thuốc âm đạo	5
25	Cắt u vú lành tính	1
26	Theo dõi nhịp tim thai và cơn gò tử cung bằng monitor sản khoa	1
27	Xử trí tích giai đoạn 3 cuộc chuyển dạ đẻ	2
28	Kiểm soát tử cung	5
29	Làm thuốc vết khâu tầng sinh môn nhiễm khuẩn	1
30	Khám sơ sinh	2
31	Chăm sóc rốn sơ sinh	2
32	Khâu vết thương phần mềm dài < 10 cm và >10 cm	1
33	Cắt lọc, khâu vết thương rách da đầu	1
34	Băng bó vết thương	5
35	Thay băng điều trị vết thương mạn tính	5
36	Chăm sóc lỗ mở khí quản	1

STT	THỦ THUẬT	CHỈ TIÊU
37	Chăm sóc ống nội khí quản	1
38	Mở màng nhĩ gấp cấp cứu	1
39	Sơ cứu bong đường hô hấp	1
40	Thủ thuật Heimlich (lấy dị vật đường thở)	1
41	Đặt ống thông dạ dày	1
42	Rửa dạ dày cấp cứu	1
43	Thụt tháo	2
44	Thông tiểu	2
45	Đo lượng nước tiểu 24 giờ	2
46	Săn sóc theo dõi ống thông tiểu	2
47	Thay băng trên người bệnh đái tháo đường	2
48	Hướng dẫn kỹ thuật tiêm insulin	2
49	Sơ cứu gãy xương vùng hàm mặt	1
50	Sơ cứu vết thương vùng hàm mặt	1
51	Cấp cứu bong mắt ban đầu	1
52	Cầm máu mũi bằng merocel	1
53	Đặt canuyn mũi hầu, miệng hầu	1
54	Khám nam khoa	2
55	Cắt chỉ khâu da	5
56	Khám bệnh nhân bỏng, chẩn đoán diện tích và độ sâu bỏng bằng lâm sàng	1
57	Cấp cứu người bệnh tự sát	1
58	Xử trí người bệnh kích động	1
59	Xử trí trạng thái bồn chồn bất an do thuốc hướng thần	1
60	Xử trí trạng thái sảng rượu	1
61	Xử trí dị ứng thuốc hướng thần	1
62	Xử trí ngộ độc thuốc hướng thần	1
63	Cắt chỉ sau phẫu thuật	5
64	Băng bó vết thương	5
65	Băng ép bất động sơ cứu rắn cắn	1
66	Bóp bóng Ambu qua mặt nạ	2
67	Test dưới da với thuốc	5
68	Thay băng điều trị vết thương mạn tính	5
69	Thay băng vết mổ	5
70	Thay băng, cắt chỉ	5
71	Theo dõi độ bão hòa ô xy (SPO2)	5
72	Theo dõi huyết áp không xâm lấn bằng máy	5
73	Theo dõi thân nhiệt bằng máy	5
74	Theo dõi thân nhiệt với nhiệt kế thường qui	5

STT	THỦ THUẬT	CHỈ TIÊU
75	Tiêm bắp thịt	5
76	Tiêm dưới da	5
77	Tiêm trong da	5
78	Tiêm truyền thuốc	5
79	Tiệt trùng dụng cụ phục vụ phẫu thuật, GMHS	10
80	Truyền dịch thường quy	5
81	Vô trùng phòng phẫu thuật, phòng tiểu phẫu hoặc buồng bệnh	10
82	Xoa bóp đầu mặt cổ, vai gáy, tay	10
83	Xoa bóp lưng, chân	10
84	Xoay trở bệnh nhân thở máy	10
85	Xử lý tại chỗ kỳ đầu tổn thương bỏng	5

Bảng 2: Danh mục kỹ thuật chuyên môn áp dụng cho Bác sỹ Răng hàm mặt

TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	CHỈ TIÊU	GHI CHÚ
	A. RĂNG		
1	Liên kết cố định răng lung lay bằng nẹp kim loại	1	
2	Chích áp xe lợi	10	
3	Lấy cao răng	10	
4	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội	10	
5	Điều trị tủy lại	2	
6	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng Composite	10	
7	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng Glasslonomer Cement	10	
8	Phục hồi cổ răng bằng Glasslonomer Cement	10	
9	Phục hồi cổ răng bằng Composite	10	
10	Mài chỉnh khớp cắn	10	
11	Phẫu thuật nhổ răng lạc chỗ	10	
12	Phẫu thuật nhổ răng ngầm	5	Phụ mổ
13	Phẫu thuật nhổ răng khôn mọc lệch hàm dưới	10	
14	Phẫu thuật nhổ răng khôn mọc lệch có cắt thân	10	Phụ mổ
15	Phẫu thuật nhổ răng khôn mọc lệch có cắt thân chia chân răng		Phụ mổ
16	Nhổ răng vĩnh viễn	50	
17	Nhổ răng vĩnh viễn lung lay	50	
18	Nhổ chân răng vĩnh viễn	50	

19	Nhổ răng thừa	20	
20	Phẫu thuật nhổ răng có tạo hình xương ổ răng	1	Phụ mổ
21	Phẫu thuật mở xương cho răng mọc	1	Phụ mổ
22	Phẫu thuật cắt cuống răng	2	Phụ mổ
23	Cắt lợi trùm răng khôn hàm dưới	2	
24	Cắt lợi di động để làm hàm giả	2	Phụ mổ
25	Trám bít hố rãnh với Composite quang trùng hợp	5	
26	Trám bít hố rãnh bằng Glasslonomer Cement	5	
27	Hàn răng không sang chấn với Glasslonomer Cement	5	
28	Điều trị răng sữa viêm tủy có hồi phục	5	
29	Điều trị tủy răng sữa	5	
30	Điều trị răng sữa sâu ngà phục hồi bằng Glasslonomer Cement	5	
31	Nhổ răng sữa	20	
32	Nhổ chân răng sữa	20	
33	Chích Apxe lợi trẻ em	10	
	B. HÀM MẶT		
34	Điều trị gãy xương hàm dưới bằng cung cố định 2 hàm	1	
35	Sơ cứu gãy xương vùng hàm mặt	5	
36	Sơ cứu vết thương phần mềm vùng hàm mặt	5	
37	Phẫu thuật lấy sỏi ống Wharton tuyến dưới hàm	2	Phụ mổ
38	Phẫu thuật cắt nang do răng xương hàm dưới	2	Phụ mổ
39	Nắn sai khớp thái dương hàm	2	
40	Chọc thăm dò u, nang vùng hàm mặt	2	

Bảng 3: Danh mục kỹ thuật chuyên môn áp dụng cho Bác sỹ Y học cổ truyền

STT	DANH MỤC KỸ THUẬT	GHI CHÚ
1	Điện châm	Xác định được vị trí các huyệt thường dùng cho các bệnh - Thực hiện được các bước thao tác thủ thuật theo quy trình kỹ thuật theo “Hướng dẫn Quy trình kỹ thuật khám bệnh, chữa bệnh chuyên ngành Châm cứu” ban hành
2	Xoa bóp bấm huyệt bằng tay	

		theo QĐ 792/2013/QĐ-BYT
3	Điện châm điều trị liệt nửa người sau đột quỵ	
4	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt nửa người do tai biến mạch máu não	
5	Điện châm điều trị đau thần kinh tọa	
6	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau thần kinh tọa	
7	Điện châm điều trị thoái hóa cột sống	
8	Xoa bóp bấm huyệt điều trị điều trị thoái hóa cột sống	
9	Điện châm điều trị liệt VII ngoại biên	
10	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt VII ngoại biên	
11	Điện châm điều trị đau do thoái hóa khớp	
12	Xoa bóp điều trị đau do thoái hóa khớp	
13	Điện châm điều trị hội chứng cánh tay cổ	
14	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng cánh tay cổ	

SEN
A K
HU
HÁP
ĐƠN

4. Chuẩn năng lực và các mốc phát triển năng lực:

4.1. Chuẩn năng lực

6 lĩnh vực năng lực chính mà người thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh 12 tháng y khoa cần phải có và đạt được

Lĩnh vực 1 (LV1): Tính chuyên nghiệp (3 năng lực)
1.1. Tuân thủ các chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp, lấy người bệnh làm trung tâm
1.2. Đảm bảo sức khỏe bản thân để cung cấp dịch vụ y tế hiệu quả
1.3. Tổ chức làm việc hiệu quả
Lĩnh vực 2 (LV2): Học từ thực tế và tự đào tạo (2 năng lực)
2.1. Lập kế hoạch học tập, tham gia vào các hoạt động khoa học
2.2. Tự đánh giá, nhận ra ưu nhược điểm và giới hạn của bản thân, tham gia các buổi sinh hoạt khoa học về cải thiện chất lượng, hội chẩn
Lĩnh vực 3 (LV3): Tuân thủ pháp luật trong hành nghề y khoa (2 năng lực)
3.1. Làm việc nhóm và phối hợp điều trị đa chuyên khoa; ứng dụng cách vận hành và các yếu tố liên quan để mang lại kết quả chăm sóc tốt nhất cho người bệnh
3.2. Phát hiện những sai sót trong hệ thống y tế, đưa ra những giải pháp, quy trình để giảm sai sót, giảm chi phí, tăng hiệu quả điều trị
Lĩnh vực 4 (LV4): Kỹ năng giao tiếp (1 năng lực)
Giao tiếp tốt và hiệu quả với đồng nghiệp, nhân viên y tế, người bệnh và gia đình
Lĩnh vực 5 (LV5): Cập nhật kiến thức y khoa trong thực hành khám bệnh, chữa bệnh (2 năng lực)
5.1. Áp dụng kiến thức về bệnh học để chẩn đoán và xử trí các vấn đề sức khỏe, các bệnh lý thường gặp ở người bệnh COVID-19 và người mắc dịch bệnh mới nổi.
5.2. Áp dụng kiến thức liên quan để thực hiện thủ thuật, chăm sóc người bệnh trước, trong, sau thủ thuật, và những biến chứng sau thủ thuật
Lĩnh vực 6 (LV6): Chăm sóc và điều trị người bệnh (2 năng lực)
6.1. Chẩn đoán chính xác, điều trị, theo dõi và phòng ngừa các bệnh lý thường gặp theo phác đồ điều trị
6.2. Thực hiện các kỹ thuật và thủ thuật các chuyên khoa cơ bản theo quy trình chuẩn đã được Bộ Y tế, Sở Y tế hoặc bệnh viện ban hành (Phụ lục 2)

4.2. Các mốc phát triển năng lực

Chương trình 12 tháng tập trung chủ yếu vào thực hành, nên mục tiêu học tập sẽ là những yêu cầu về các hoạt động nghề nghiệp, tương ứng với 6 lĩnh vực năng lực nêu trên và được phân thành 6 mức phát triển năng lực.

MỨC ĐIỂN GIẢI CÁC MỨC

- | | |
|---|---|
| 0 | Không đánh giá |
| 1 | Chỉ quan sát – Chưa thực hiện được |
| 2 | Thực hiện được, có giám sát trực tiếp (*) |

MỨC ĐIỂN GIẢI CÁC MỨC

- 3 Thực hiện được, có giám sát gần (**)
 4 Chỉ cần kiểm tra kết quả chính, giám sát từ xa (***)
 5 Thực hiện thành thạo và có thể hướng dẫn người khác

NĂNG LỰC	LĨNH VỰC	KỸ NĂNG	MỨC ĐỘ KHI HOÀN THÀNH CHƯƠNG TRÌNH						
1		Hỏi bệnh sử và khám thực thể							
1.1	LV4,5	Thu thập bệnh sử đầy đủ, chính xác và sắp xếp theo trình tự thời gian, trong trường hợp có cấp cứu phải hỏi ngắn gọn, đúng trọng tâm	1	2	3	4	5		
1.2	LV5	Chọn lọc được các thông tin giá trị	1	2	3	4	5		
1.3	LV1,5	Sử dụng được ngôn ngữ vùng miền trong hỏi bệnh sử	1	2	3	4	5		
1.4	LV5,6	Khám đầy đủ, chính xác, phù hợp với lý do đi khám theo trình tự hợp lý	1	2	3	4	5		
1.5	LV5	Phát hiện những dấu hiệu bất thường khi khám và mô tả, ghi nhận trong hồ sơ	1	2	3	4	5		
1.6	LV1,4	Đảm bảo an toàn, tạo sự thoải mái và tôn trọng riêng tư của người bệnh trong lúc khám	1	2	3	4	5		
2		Chẩn đoán và chẩn đoán phân biệt							
2.1	LV5,6	Tổng hợp thông tin từ bệnh sử, khám thực thể, hồ sơ từ tuyến trước (nếu có) để đưa ra chẩn đoán ban đầu	1	2	3	4	5		
2.2	LV5,6	Chẩn đoán xác định và chẩn đoán phân biệt dựa trên kiến thức khoa học cơ bản, y học cơ sở, biện luận lâm sàng.	1	2	3	4	5		
2.3	LV1,4	Giải thích cho người bệnh và hội chẩn với đồng nghiệp trong trường hợp các chẩn đoán ban đầu chưa rõ ràng	1	2	3	4	5		
3		Chỉ định và phân tích kết quả xét nghiệm hỗ trợ chẩn đoán							
3.1	LV5,6	Chỉ định các xét nghiệm phù hợp và giải thích được lý do	1	2	3	4	5		
3.2	LV1,5,6	Cân nhắc chi phí, hiệu quả trong chỉ định xét nghiệm và thông tin cho người bệnh biết chi phí xét nghiệm	1	2	3	4	5		

VIỆN
HỌC
VỤ
MỨC

3.3	LV5,6	Giải thích kết quả và giá trị của các xét nghiệm (tình huống khẩn cấp và không khẩn cấp)	1	2	3	4	5
4		Kê đơn thuốc					
4.1	LV5,6	Kê đơn phù hợp với quy chế kê đơn của Bộ Y tế	1	2	3	4	5
4.2	LV5,6	Kê đơn theo phác đồ hiện hành	1	2	3	4	5
4.3	LV5,6	Nhận biết và sử dụng được các nguồn thông tin để kê đơn an toàn	1	2	3	4	5
5		Ghi chép hồ sơ bệnh án					
5.1	LV3	Ghi thông tin người bệnh chính xác, đúng thời điểm thăm khám và dễ đọc	1	2	3	4	5
5.2	LV3	Tuân thủ quy chế hồ sơ bệnh án	1	2	3	4	5
5.3	LV3	Ghi chính xác các dữ liệu trong việc ra quyết định chẩn đoán và điều trị (dấu hiệu diễn tiến lâm sàng và cận lâm sàng, ý kiến chuyên gia, mong muốn của người bệnh, người nhà)	1	2	3	4	5
6		Báo cáo tình trạng của người bệnh					
6.1	LV1, LV3-6	Báo cáo thông tin đã thu thập, chỉ ra thông tin nào xác thực và thông tin nào chưa chắc chắn.	1	2	3	4	5
6.2	LV1,3,4	Báo cáo bằng lời ngắn gọn, chính xác và mạch lạc	1	2	3	4	5
6.3	LV1,3,4	Đảm bảo người trình bày và người nghe đều hiểu như nhau về tình trạng của người bệnh.	1	2	3	4	5
7		Truy cập và sử dụng tài liệu y học chứng cứ					
7.1	LV2	Sử dụng công nghệ thông tin truy cập tài liệu có giá trị và tin cậy dựa vào y học chứng cứ	1	2	3	4	5
7.2	LV2,5,6	Lý luận và áp dụng nguồn thông tin tin cậy truy cập được vào chăm sóc và điều trị người bệnh	1	2	3	4	5
7.3	LV1,3,4	Trao đổi với đồng nghiệp trong nhóm chăm sóc và thân nhân về nguồn thông tin truy cập được để thống nhất trong quá trình điều trị	1	2	3	4	5
8		Bàn giao và tiếp nhận người bệnh					
8.1	LV3,4	Bàn giao trực tiếp, bàn giao trên hồ sơ những diễn biến mới nhất của người bệnh	1	2	3	4	5
8.2	LV5,6	Tóm tắt ngắn gọn mức độ nặng của người bệnh, những vấn đề cần lưu ý, kế hoạch xử trí	1	2	3	4	5

8.3	LV3-6	Trao đổi, đặt câu hỏi làm rõ thông tin được bàn giao	1	2	3	4	5
9		Làm việc nhóm					
9.1	LV1,4	Xác định rõ vai trò và trách nhiệm của mỗi thành viên đối với mỗi nhiệm vụ	1	2	3	4	5
9.2	LV1,4	Trao đổi với thái độ tôn trọng, tự trọng, trung thực, tạo điều kiện để thành viên nhóm tham gia trao đổi thông tin	1	2	3	4	5
9.3	LV1,4	Biết lắng nghe khi trao đổi với các thành viên nhóm	1	2	3	4	5
9.4	LV1,4	Điều chỉnh nội dung và cách diễn đạt để phù hợp với từng thành viên nhóm	1	2	3	4	5
9.5	LV1-4	Hiểu rõ vai trò, giới hạn của bản thân và tìm trợ giúp từ những thành viên khác nhằm tối ưu hóa việc chăm sóc sức khỏe người bệnh	1	2	3	4	5
9.6	LV1-4	Sẵn sàng giúp đỡ khi đồng nghiệp cần	1	2	3	4	5
9.7	LV1-4	Đặt mục tiêu chăm sóc người bệnh của nhóm lên cao nhất	1	2	3	4	5
10		Nhận biết các tình huống cấp cứu, đánh giá và xử trí ban đầu					
10.1	LV5,6	Xác định được tình trạng cấp cứu của người bệnh	1	2	3	4	5
10.2	LV5,6	Xác định các nguyên nhân có thể gây ra tình trạng nặng của người bệnh	1	2	3	4	5
10.3	LV5,6	Hỏi sức cơ bản thành thạo	1	2	3	4	5
11		Giải thích, tư vấn, để tạo sự đồng thuận của người bệnh hoặc người thân trước khi làm xét nghiệm, thủ thuật, phẫu thuật					
11.1	LV3,5,6	Hiểu rõ chỉ định, lợi ích, rủi ro, nguy cơ biến chứng và lựa chọn thay thế của thủ thuật	1	2	3	4	5
11.2	LV1, LV4-6	Thông tin cho người bệnh và gia đình, đảm bảo họ hiểu rõ chỉ định, lợi ích, rủi ro, nguy cơ biến chứng và lựa chọn thay thế	1	2	3	4	5
11.3	LV1,3,6	Ghi lại các thảo luận và lưu giữ giấy cam kết đồng thuận trong hồ sơ bệnh án	1	2	3	4	5
12		Thực hiện thủ thuật, kỹ thuật cơ bản trong các chuyên khoa cơ bản					
12.1	LV5,6	Thực hiện được các thủ thuật, kỹ thuật cơ bản	1	2	3	4	5
12.2	LV1, LV4-6	Giải thích cho người bệnh và thân nhân trước và sau khi tiến hành các thủ thuật, kỹ thuật kể trên	1	2	3	4	5
13		Phát hiện lỗi cá nhân và hệ thống, giúp cải thiện an toàn trong					

		chăm sóc người bệnh						
13.1	LV3	Phát hiện được sai sót trong hệ thống y tế (sự cố y khoa và lỗi tiềm ẩn)	1	2	3	4	5	
13.2	LV3	Dám nói khi thấy có sai sót hoặc lỗi tiềm ẩn	1	2	3	4	5	
13.3	LV1,2	Biết nhận ra sai sót của bản thân và có kế hoạch cải tiến.	1	2	3	4	5	

Ghi chú:

(*) *Giám sát trực tiếp*: Người thực hành cùng với người hướng dẫn thực hành trực tiếp thực hiện chăm sóc người bệnh (cầm tay chỉ việc).

(**) *Giám sát gần*: Người thực hành tự thực hiện chăm sóc người bệnh dưới giám sát trực tiếp của người hướng dẫn thực hành.

(***) *Giám sát từ xa*: Người thực hành tự thực hiện chăm sóc người bệnh sau đó báo cáo kết quả thực hiện cho người hướng dẫn thực hành kiểm tra lại. (Lưu ý: Người hướng dẫn thực hành không giám sát trực tiếp nhưng khi cần có thể hỗ trợ được ngay).

5. Lượng giá người học và lượng giá chương trình

5.1. Điều kiện thi kết thúc chương trình

- Lượng giá thực hành quá trình tại mỗi chuyên khoa đạt mức năng lực quy định.
- Giấy xác nhận của người hướng dẫn thực hành: Đạt.

5.2. Lượng giá kiến thức

- Lượng giá kết thúc: câu hỏi trắc nghiệm với mức độ áp dụng theo phân bậc nhận thức của Bloom (dạng tình huống)

	Chẩn đoán	Điều trị	Chăm sóc	Phòng ngừa	Tổng cộng
Hồi sức cấp cứu					
Nội khoa					
Ngoại khoa					
Sản phụ khoa					
Nhi khoa					
Tai Mũi Họng					
Răng Hàm Mặt					
Mắt					
Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng					
Tổng cộng					50-100

- Công cụ lượng giá: Bộ câu hỏi trắc nghiệm

5.3. Lượng giá thực hành:

Trình bệnh án hoặc viết chuyên đề (theo định hướng chuyên môn khoa hoặc tự chọn)

5.4. Điều kiện hoàn thành chương trình

- Điểm lý thuyết ≥ 5 .
- Điểm thi thực hành kết thúc ≥ 5 .

5.5. Người thực hành lượng giá chương trình đào tạo

Kết thúc mỗi chuyên khoa vào ngày cuối cùng, tất cả người thực hành phản hồi cho công tác huấn luyện đào tạo và chương trình theo mẫu thống nhất được đơn vị đào tạo của bệnh viện ban hành. Đây là cơ sở đảm bảo chất lượng và cải thiện chương trình liên tục.

→ Bảng câu hỏi lượng giá chương trình và công tác huấn luyện đào tạo.

6. Tài liệu tham khảo

- Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH15 ngày 09/01/2023.
- Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh.
- Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ Y tế quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh.
- Quyết định số 1678/QĐ-SYT của Sở Y tế Thành phố Hồ Chí Minh ngày 15 tháng 3 năm 2024.
- Chương trình thực hành 12 tháng để cấp giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh đối với chức danh bác sĩ y khoa của Bệnh viện Đại học Y được Thành phố Hồ Chí Minh (Tài liệu “Hội nghị tập huấn trực tuyến Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh và các văn bản quy định chi tiết của Luật Khám bệnh, chữa bệnh” do Cục quản lý khám, chữa bệnh tổ chức theo Giấy mời số 224/GM-KCB ngày 17/6/2024).

PHỤ LỤC 1

Kiến thức pháp luật khám bệnh, chữa bệnh; đạo đức hành nghề; ứng xử người hành nghề

STT	NỘI DUNG
I	Những quy định của pháp luật trong hành nghề khám bệnh, chữa bệnh
Bài 1	Giới thiệu tổ chức, quy định bệnh viện; chương trình thực hành, phương pháp học thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh đối với bác sĩ y khoa.
Bài 2	Quy chế chuyên môn: quy chế cấp cứu, chẩn đoán và làm hồ sơ bệnh án; quy chế sử dụng thuốc; quy chế hội chẩn; quy chế kê đơn thuốc trong điều trị ngoại trú và nội trú; quy chế an toàn chuyển viện...
Bài 3	Quy định về bảo hiểm y tế
Bài 4	Các văn bản pháp lý liên quan đến công tác hành nghề khám bệnh, chữa bệnh
Bài 5	Quy trình báo động đỏ nội viện, liên viện
II	Các kỹ năng cơ bản trong khám bệnh, chữa bệnh
Bài 6	Kỹ năng giao tiếp hiệu quả: - Văn hóa ứng xử trong thực hành chăm sóc sức khỏe, - Quản lý cảm xúc; - Thực hành tình huống (đóng vai).
Bài 7	Kỹ năng tự đào tạo
Bài 8	Y học chứng cứ
Bài 9	An toàn người bệnh và phòng ngừa sự cố y khoa
Bài 10	Kiểm soát nhiễm khuẩn
Bài 11	Tham vấn tâm thần

PHỤ LỤC 2
DANH MỤC CÁC THỦ THUẬT

STT	THỦ THUẬT	MỨC NĂNG LỰC				
		1	2	3	4	5
1	Thở oxy				X	
2	Lắp và cài đặt thông số NCPAP				X	
3	Chỉ định và chăm sóc người bệnh thở máy				X	
4	Kỹ thuật phun khí dung				X	
5	Đặt nội khí quản			X		
6	Băng ép, garo cầm máu				X	
7	Cố định tạm thời người bệnh gãy xương				X	
8	Bất động cột sống cổ bằng nẹp cứng				X	
9	Vận chuyển người bệnh an toàn				X	
10	Cấp cứu ngừng tuần hoàn hô hấp			X		
11	Sốc điện ngoài lồng ngực cấp cứu			X		
12	Chọc dò dịch màng phổi, chọc hút khí màng phổi			X		
13	Chọc dịch tủy sống			X		
14	Đặt catheter tĩnh mạch			X		
15	Truyền máu và các chế phẩm máu			X		
16	Ghi điện tim cấp cứu tại giường			X		
17	Đờ dẻ thường ngôi chỏm			X		
18	Cắt và khâu tầng sinh môn			X		
19	Khám thai				X	
20	Bóc nang tuyến Bartholin			X		
21	Khâu phục hồi rách cổ tử cung, âm đạo				X	
22	Cắt chỉ khâu vòng cổ tử cung				X	
23	Khám phụ khoa				X	
24	Làm thuốc âm đạo				X	
25	Cắt u vú lành tính			X		
26	Theo dõi nhịp tim thai và cơn gò tử cung bằng monitor sản khoa				X	
27	Xử trí tích giai đoạn 3 cuộc chuyển dạ đẻ				X	
28	Kiểm soát tử cung			X		
29	Làm thuốc vết khâu tầng sinh môn nhiễm khuẩn				X	
30	Khám sơ sinh				X	
31	Chăm sóc rốn sơ sinh				X	
32	Khâu vết thương phần mềm dài < 10 cm và >10 cm				X	
33	Cắt lọc, khâu vết thương rách da đầu				X	
34	Băng bó vết thương				X	



STT	THỦ THUẬT	MỨC NĂNG LỰC				
35	Thay băng điều trị vết thương mạn tính				X	
36	Chăm sóc lỗ mở khí quản				X	
37	Chăm sóc ống nội khí quản				X	
38	Mở màng nhĩ gấp cấp cứu				X	
39	Sơ cứu bong đường hô hấp				X	
40	Thủ thuật Heimlich (lấy dị vật đường thở)				X	
41	Đặt ống thông dạ dày				X	
42	Rửa dạ dày cấp cứu				X	
43	Thụt tháo				X	
44	Thông tiểu				X	
45	Đo lượng nước tiểu 24 giờ				X	
46	Săn sóc theo dõi ống thông tiểu				X	
47	Thay băng trên người bệnh đái tháo đường				X	
48	Hướng dẫn kỹ thuật tiêm insulin				X	
49	Sơ cứu gãy xương vùng hàm mặt				X	
50	Sơ cứu vết thương vùng hàm mặt				X	
51	Cấp cứu bong mắt ban đầu				X	
52	Cầm máu mũi bằng merocel				X	
53	Đặt canuyn mũi hầu, miệng hầu				X	
54	Khám nam khoa				X	
55	Cắt chỉ khâu da				X	
56	Khám bệnh nhân bỏng, chẩn đoán diện tích và độ sâu bỏng bằng lâm sàng				X	
57	Cấp cứu người bệnh tự sát				X	
58	Xử trí người bệnh kích động				X	
59	Xử trí trạng thái bồn chồn bất an do thuốc hướng thần				X	
60	Xử trí trạng thái sảng rượu				X	
61	Xử trí dị ứng thuốc hướng thần				X	
62	Xử trí ngộ độc thuốc hướng thần				X	
63	Cắt chỉ sau phẫu thuật				X	
64	Băng bó vết thương				X	
65	Băng ép bất động sơ cứu rắn cắn				X	
66	Bóp bóng Ambu qua mặt nạ				X	
67	Test dưới da với thuốc				X	
68	Thay băng điều trị vết thương mạn tính				X	
69	Thay băng vết mổ				X	
70	Thay băng, cắt chỉ				X	
71	Theo dõi độ bão hòa ô xy (SPO2)				X	
72	Theo dõi huyết áp không xâm lấn bằng máy				X	

STT	THỦ THUẬT	MỨC NĂNG LỰC				
73	Theo dõi thân nhiệt bằng máy				X	
74	Theo dõi thân nhiệt với nhiệt kế thường qui				X	
75	Tiêm bắp thịt				X	
76	Tiêm dưới da				X	
77	Tiêm trong da				X	
78	Tiêm truyền thuốc				X	
79	Tiệt trùng dụng cụ phục vụ phẫu thuật, GMHS				X	
80	Truyền dịch thường quy				X	
81	Vô trùng phòng phẫu thuật, phòng tiểu phẫu hoặc buồng bệnh				X	
82	Xoa bóp đầu mặt cổ, vai gáy, tay				X	
83	Xoa bóp lưng, chân				X	
84	Xoay trở bệnh nhân thở máy				X	
85	Xử lý tại chỗ kỳ đầu tổn thương bỏng				X	



**KHUNG CHƯƠNG TRÌNH HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH KHÁM BỆNH,
CHỮA BỆNH ĐỂ CẤP GIẤY PHÉP HÀNH NGHỀ
TẠI BỆNH VIỆN ĐA KHOA KHU VỰC THÁP MƯỜI**

(Kèm theo bản công bố số: 494 /BVTM ngày 16 tháng 8 năm 2024
của Bệnh viện Đa khoa khu vực Tháp Mười)

ĐỐI VỚI CHỨC DANH ĐIỀU DƯỠNG

Đối tượng: Điều dưỡng chưa được cấp giấy phép hành nghề hoặc cần thay đổi chức danh chuyên môn.

Yêu cầu đối với học viên sau 6 tháng thực hành lâm sàng phải đáp ứng được các tiêu chuẩn trong bộ chuẩn năng lực cơ bản của Điều dưỡng Việt Nam. Trọng tâm vào các đầu ra sau đây:

1. Năng lực chuyên môn: Chăm sóc người bệnh và thực hành kỹ thuật cơ bản trên người bệnh đảm bảo an toàn, dựa trên bằng chứng.
2. Thực hiện đầy đủ và hiệu quả các quy định về an toàn và kiểm soát nhiễm khuẩn khi chăm sóc người bệnh.
3. Thực hành giao tiếp, tư vấn, giáo dục sức khỏe với người bệnh, gia đình người bệnh; giao tiếp với đồng nghiệp, cấp trên phù hợp và hiệu quả; Có khả năng làm việc nhóm.
4. Năng lực quản lý và cải tiến chất lượng chăm sóc: Tham gia cải tiến, quản lý và sử dụng hiệu quả các nguồn lực thuộc lĩnh vực chăm sóc được phân công.
5. Tuân thủ đúng các quy định của Pháp luật và chuẩn đạo đức nghề nghiệp của điều dưỡng viên trong quá trình thực hành lâm sàng và hành nghề.

1. Mục tiêu chương trình

1.1. Mục tiêu chung

Sau khóa học, điều dưỡng viên đạt được các chuẩn năng lực thiết yếu của điều dưỡng Việt Nam và có khả năng thực hành chăm sóc người bệnh một cách chủ động, an toàn, hiệu quả tại các cơ sở y tế.

1.2. Mục tiêu cụ thể

Kiến thức

1. Giải thích được các bước của quy trình điều dưỡng.
2. Trình bày được các quy định về quản lý, vận hành, bảo dưỡng và sử dụng các nguồn lực chăm sóc người bệnh.
3. Nhận dạng được các tình huống áp dụng phòng ngừa chuẩn trong chăm sóc người bệnh.
4. Nhận dạng được các hành vi nguy cơ và các giải pháp đảm bảo an toàn người bệnh liên quan đến công tác điều dưỡng.
5. Xác định được nhu cầu tư vấn, giáo dục sức khỏe phù hợp với người bệnh và gia đình người bệnh.

6. Trình bày được các văn bản quy phạm pháp luật, các quy định liên quan công tác điều dưỡng trong bệnh viện.

Kỹ năng

1. Áp dụng được quy trình điều dưỡng và thực hành dựa trên bằng chứng trong chăm sóc người bệnh (khám nhận định người bệnh và xác định đúng vấn đề chăm sóc; lập kế hoạch chăm sóc, thực hiện kế hoạch và lượng giá phù hợp với người bệnh).

2. Thực hiện các kỹ thuật điều dưỡng cơ bản trên người bệnh đảm bảo an toàn và hiệu quả.

3. Phát hiện sớm các diễn biến bất thường trên người bệnh, phản vệ, ngừng tuần hoàn, ngừng hô hấp), ra quyết định xử trí ban đầu và phối hợp với các thành viên trong nhóm thực hiện sơ cứu, cấp cứu kịp thời và hiệu quả.

4. Thực hiện đúng quy trình thực hành phòng ngừa chuẩn và kiểm soát nhiễm khuẩn bệnh viện.

5. Thực hiện đúng các quy định về an toàn người bệnh trong thực hành chăm sóc và báo cáo sự cố y khoa.

6. Giao tiếp công sở, giao tiếp với người bệnh/GĐ người bệnh phù hợp với văn hóa, tín ngưỡng; giao tiếp được với người bệnh có trở ngại (hôn mê, tâm thần, khiếm thính, khiếm thị...).

7. Cung cấp thông tin liên quan tới chăm sóc cho người bệnh/ gia đình người bệnh đầy đủ và kịp thời; Giáo dục sức khỏe và tư vấn cho người bệnh/ gia đình NB phù hợp.

8. Vận hành và bảo quản các thiết bị chuyên môn liên quan tới công việc đúng quy trình, đúng quy định, đảm bảo an toàn hiệu quả.

9. Thực hiện ghi chép, quản lý hồ sơ bệnh án đúng quy định.

10. Hợp tác làm việc theo nhóm trong chăm sóc người bệnh.

11. Ứng dụng được công nghệ thông tin vào công tác chăm sóc người bệnh.

12. Áp dụng được Chuẩn năng lực cơ bản của Điều dưỡng VN vào chăm sóc người bệnh.

Thái độ

1. Tuân thủ đúng các quy định của Pháp luật liên quan và Tiêu chuẩn đạo đức khi thực hành nghề nghiệp.

2. Tự giác học tập liên tục để duy trì, phát triển năng lực cho bản thân và nghề nghiệp.

3. Tác phong cẩn thận; tỉ mỉ; trung thực; tôn trọng, hợp tác với người bệnh và đồng nghiệp; đảm bảo an toàn khi chăm sóc người bệnh; chịu trách nhiệm cá nhân khi thực hành nghề nghiệp.

4. Đảm bảo thời gian học tập và trang phục đúng quy định.

2. Khung chương trình thực hành 6 tháng y khoa

Tổng thời gian thực hành khám bệnh, chữa bệnh của Điều dưỡng là 06 tháng theo quy định của Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ, được phân bổ như sau

Chuyên khoa	Khoa thực hành	Thời gian	Ghi chú
Hồi sức cấp cứu	Khoa Cấp cứu - Hồi sức tích cực - Chống độc.	1 tháng (160 tiết)	Bắt buộc
Nội khoa	+ Khoa Nội tổng hợp. + Khoa Nội Tim mạch – Thần kinh - Lão học. + Khoa Truyền nhiễm.	1,5 tháng (240 tiết)	Thực hành tại 1 trong các khoa này
Ngoại khoa	Khoa Ngoại tổng hợp.	1,5 tháng (240 tiết)	
Sản phụ khoa	Khoa Phụ Sản	02 tuần (80 tiết)	
Nhi khoa	Khoa Nhi	1 tháng (160 tiết)	
Chuyên khoa khác	Khoa Liên chuyên khoa: Mắt, Tai mũi họng	02 tuần (80 tiết)	

** Lưu ý:

- Lịch thực hành của học viên sẽ do Phòng Điều dưỡng sắp xếp để phân bổ số lượng học viên hợp lý tại các khoa cùng một thời điểm.

- Học viên thực hành luân phiên, tập trung, toàn thời gian thực hành tại các khoa.

- Tại mỗi khoa, học viên tham gia thực hành và trực theo quy định của Bệnh viện.

- Học viên phải tham dự > 90% tổng thời lượng chương trình.

- Trường hợp phải dừng thực hành vì lý do sức khỏe hoặc vì các lý do bất khả kháng khác, người thực hành được hướng dẫn thực hiện thủ tục xin bảo lưu kết quả thực hành (theo quy định tại Điều 4 Nghị định 96/2023/CP-NĐ)

3. Nội dung:

3.1. Lý thuyết

STT	Bài học	Khoa
1	- Chăm sóc người bệnh thở máy - Chăm sóc người bệnh trụy mạch	Khoa Cấp cứu -Hồi sức tích cực – Chống độc
2	- Chăm sóc người bệnh xơ gan - Chăm sóc người bệnh chảy máu đường tiêu hóa	Khoa Nội tổng hợp.
3	- Chăm sóc người bệnh thở oxy - Chăm sóc người bệnh mắc bệnh gút	Khoa Nội tổng hợp.

4	- Chăm sóc người bệnh tai biến mạch máu não - Chăm sóc người bệnh co giật	Khoa Nội Tim mạch-Thần kinh-Lão học Khoa Nội tổng hợp.
5	- Chăm sóc người bệnh suy tim mạn - Chăm sóc dinh dưỡng cho người cao tuổi	Khoa Nội Tim mạch – Thần kinh - Lão học.
6	- Chăm sóc người bệnh tiểu đường - Chăm sóc người bệnh Basedow	Khoa Nội tổng hợp
7	- Chăm sóc người bệnh viêm màng não - Chăm sóc bệnh nhi tiêu chảy cấp	Khoa Truyền nhiễm.
8	- Chăm sóc người bệnh trước và sau mổ - Chăm sóc người bệnh có hậu môn nhân tạo - Chăm sóc người bệnh sau mổ đường tiết niệu - Chăm sóc người bệnh gãy cổ xương đùi - Chăm sóc người bệnh sau mổ sọ não	Khoa Ngoại tổng hợp.
9	- Chăm sóc người bệnh ung thư - Chăm sóc người bệnh ung thư giai đoạn cuối	-Khoa Cấp cứu-Hồi sức tích cực-Chống độc -Khoa Nội Tim mạch - Thần kinh - Lão học -Khoa Nội tổng hợp
10	- Kỹ thuật tắm – chăm sóc rốn trẻ sơ sinh - Hướng dẫn bà mẹ cho trẻ bú đúng	Khoa Phụ Sản
11	- Chăm sóc trẻ sơ sinh chiếu đèn điều trị vàng da - Chăm sóc bệnh nhi viêm phổi	Khoa Nhi
12	- Chăm sóc người bệnh phẫu thuật mở khí quản - Chăm sóc người bệnh chảy máu mũi	Khoa Liên chuyên khoa

3.2 Thực hành

TT	Danh mục kỹ thuật	CHỈ TIÊU
1.	Bóp bóng Ambu qua mặt nạ	5
2.	Cấp cứu ngừng tuần hoàn hô hấp cơ bản	5
3.	Chăm sóc catheter động mạch	5
4.	Chăm sóc catheter tĩnh mạch	5
5.	Chăm sóc lỗ mở khí quản	1
6.	Chăm sóc ống nội khí quản	5
7.	Đặt ống thông dạ dày	5
8.	Cho ăn qua ống thông dạ dày	20
9.	Điện tim thường	50
10.	Định nhóm máu tại giường bệnh trước truyền máu	5

11.	Đo thân nhiệt bằng nhiệt kế	500
12.	Ghi điện tim cấp cứu tại giường	20
13.	Hút dịch dạ dày	5
14.	Hút đờm hầu họng	10
15.	Hút đờm qua ống nội khí quản/canuyn mở khí quản bằng ống thông kín (có thở máy)	5
16.	Hút đờm qua ống nội khí quản/canuyn mở khí quản bằng ống thông một lần ở người bệnh không thở máy	5
17.	Kỹ thuật đánh giá, phân cấp chăm sóc cho người bệnh	30
18.	Kỹ thuật gọi đầu cho người bệnh tại giường	2
19.	Kỹ thuật bơm thuốc qua ống thông mũi - dạ dày	2
20.	Kỹ thuật bơm, kiểm tra áp lực bóng chèn NKQ/MKQ	2
21.	Kỹ thuật cho người bệnh ăn qua đường miệng	5
22.	Kỹ thuật cho người bệnh uống thuốc	50
23.	Kỹ thuật đặt ống thông tiêu 1 lần	5
24.	Kỹ thuật đặt ống thông tiêu liên tục	5
25.	Kỹ thuật chăm sóc ống thông tiêu lưu	10
26.	Kỹ thuật làm sạch nòng trong canuyn mở khí quản 2 nòng	2
27.	Kỹ thuật lấy dịch tỵ hầu để xét nghiệm	2
28.	Kỹ thuật lấy máu tĩnh mạch	200
29.	Kỹ thuật lấy mủ làm xét nghiệm	5
30.	Kỹ thuật lấy nước tiểu 24h	1
31.	Kỹ thuật lấy nước tiểu thường quy	5
32.	Kỹ thuật lấy phân xét nghiệm	2
33.	Kỹ thuật rút ống thông tiêu lưu	5
34.	Kỹ thuật tiêm tĩnh mạch qua công tiêm thuốc	100
35.	Kỹ thuật vệ sinh răng miệng cho người bệnh	10
36.	Kỹ thuật vệ sinh răng miệng cho người bệnh có ống NKQ hoặc người bệnh thở máy	5
37.	Kỹ thuật xoa bóp điều trị dự phòng loét (loét độ I)	10
38.	Kỹ thuật xoay chuyển bệnh nhân dự phòng loét tỳ đè	10
39.	Khí dung mũi họng	60
40.	Khí dung thuốc qua thở máy	10
41.	Theo dõi áp lực tĩnh mạch trung tâm	1
42.	Theo dõi điện tim cấp cứu tại giường liên tục	20
43.	Theo dõi huyết áp không xâm lấn bằng máy	10

VIỆN
HỘI
VẬT
MƯỜI

44.	Theo dõi SpO2	50
45.	Theo dõi SPO2 liên tục tại giường	20
46.	Thở oxy qua gọng kính	10
47.	Thở oxy qua mặt nạ có túi không hít lại (túi có van)	5
48.	Thở oxy qua mặt nạ không có túi	5
49.	Thở oxy qua ống chữ T (T-tube)	5
50.	Thở ô xy qua mặt nạ có túi có hít lại (túi không có van)	5
51.	Truyền máu hoặc sản phẩm máu thường qui	2
52.	Xoay trở bệnh nhân thở máy	10
53.	Vỗ rung cho người bệnh Hen phế quản	5
54.	Chăm sóc bệnh nhân đã tử vong	1
55.	Chăm sóc bệnh nhân thở máy	5
56.	Kỹ thuật truyền thuốc qua máy bơm tiêm điện	5
57.	Rút ống nội khí quản	1
58.	Rửa dạ dày	1
59.	Rửa dạ dày cấp cứu	1
60.	Cho ăn qua ống mở thông dạ dày hoặc hồng tràng	1
61.	Chuẩn bị người bệnh trước phẫu thuật	5
62.	Cắt chỉ	5
63.	Cắt lọc tổ chức hoại tử hoặc cắt lọc vết thương	1
64.	Băng ép cầm máu	1
65.	Đặt ống thông hậu môn	1
66.	Kỹ thuật hỗ trợ người bệnh di chuyển bằng xe lăn	10
67.	Kỹ thuật băng chun mồm cắt chỉ dưới	1
68.	Kỹ thuật băng chun mồm cắt chỉ trên	1
69.	Kỹ thuật chăm sóc dẫn lưu	5
70.	Kỹ thuật rút ống dẫn lưu	5
71.	Kỹ thuật thay túi hậu môn nhân tạo	2
72.	Lưu kim luôn tĩnh mạch để tiêm thuốc	50
73.	Rửa bàng quang	1
74.	Tiêm tĩnh mạch, truyền tĩnh mạch	200
75.	Tiêm trong da; tiêm dưới da; tiêm bắp thịt	100
76.	Thay băng vết mổ	10
77.	Thay băng vết thương mồm cắt chỉ	1
78.	Thụt tháo phân	1
79.	Băng chỉnh hình số 8	2
80.	Cắt lọc - khâu vết thương vùng trán	2

81.	Cố định tạm thời cột sống cổ bằng nẹp+	1
82.	Cố định tạm thời xương cánh tay+	1
83.	Cố định tạm thời xương cẳng chân+	1
84.	Cố định tạm thời xương cẳng tay+	1
85.	Cố định tạm thời xương đòn+	1
86.	Cố định tạm thời xương đùi +	1
87.	Đặt đai vải treo tay	2
88.	Cắt chỉ khâu da mi đơn giản	1
89.	Đo thị lực	5
90.	Thay băng mắt	10
91.	Tra thuốc nhỏ mắt	10

4. Lượng giá người học và lượng giá chương trình

4.1. Điều kiện thi kết thúc chương trình

Giấy xác nhận của người hướng dẫn thực hành: Đạt.

4.2. Lượng giá kiến thức

- Lượng giá kết thúc: câu hỏi trắc nghiệm với mức độ áp dụng theo phân bậc nhận thức của Bloom (dạng tình huống)

	Chẩn đoán	Điều trị	Chăm sóc	Phòng ngừa	Tổng cộng
Hồi sức cấp cứu					
Nội khoa					
Ngoại khoa					
Sản phụ khoa					
Nhi khoa					
Tai Mũi Họng					
Mắt					
Tổng cộng					50-100

- Công cụ lượng giá: Bộ câu hỏi trắc nghiệm

4.3. Lượng giá thực hành:

Trình chuyên đề (tự chọn)

4.4. Điều kiện hoàn thành chương trình

- Điểm lý thuyết ≥ 5 .
- Điểm thi thực hành kết thúc ≥ 5 .

4.5. Người thực hành lượng giá chương trình đào tạo

Kết thúc mỗi chuyên khoa vào ngày cuối cùng, tất cả người thực hành phản hồi cho công tác huấn luyện đào tạo và chương trình theo mẫu thống nhất được đơn vị đào tạo của bệnh viện ban hành. Đây là cơ sở đảm bảo chất lượng và cải thiện chương trình

liên tục.

→ Bảng câu hỏi lượng giá chương trình và công tác huấn luyện đào tạo.

5. Tài liệu tham khảo

- Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh.
- Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ Y tế quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh.
- Chương trình Đào tạo thực hành lâm sàng cho điều dưỡng viên mới của Bộ y tế - Nhà xuất bản Y học, Hà Nội – 2020.
- Chương trình đào tạo trình độ cao đẳng ngành Điều dưỡng năm 2022 của trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp

**KHUNG CHƯƠNG TRÌNH HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH KHÁM BỆNH,
CHỮA BỆNH ĐỂ CẤP GIẤY PHÉP HÀNH NGHỀ
TẠI BỆNH VIỆN ĐA KHOA KHU VỰC THÁP MƯỜI**

(Kèm theo bản công bố số: 494 /BVTM ngày 16 tháng 8 năm 2024
của Bệnh viện Đa khoa khu vực Tháp Mười)

ĐỐI VỚI CHỨC DANH HỘ SINH

Đối tượng: Hộ sinh chưa được cấp giấy phép hành nghề hoặc cần thay đổi chức danh chuyên môn.

1. Mục tiêu đào tạo:

1.1. Mục tiêu chung:

Hộ sinh là ngành, nghề thực hiện các công việc chăm sóc sức khỏe cho phụ nữ trong thời kỳ mang thai, thực hiện đỡ đẻ an toàn; tư vấn chăm sóc sức khỏe sinh sản cho phụ nữ ở mọi lứa tuổi; khám một số tình trạng bệnh lý phụ khoa thông thường; tư vấn và cung cấp dịch vụ kế hoạch hóa gia đình; tư vấn và thực hiện phá thai an toàn với tuổi thai dưới 7 tuần; chăm sóc sức khỏe trẻ em; tiêm chủng mở rộng..., đáp ứng yêu cầu bậc 5 trong Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

Công việc của nghề hộ sinh được thực hiện chủ yếu ở các bệnh viện chuyên khoa Sản Nhi; khoa Sản các bệnh viện tuyến trung ương, tuyến tỉnh, bệnh viện tuyến huyện; trung tâm y tế tuyến huyện; các trạm y tế xã, phường và cộng đồng. Cường độ làm việc của người hộ sinh tương đối cao, đòi hỏi sự tập trung và tinh thần trách nhiệm cao để đạt được sự hài lòng của người bệnh. Để đảm bảo công việc của nghề hộ sinh được tốt thì cần có môi trường làm việc đầy đủ cơ sở vật chất, dụng cụ bảo hộ lao động, trang thiết bị y tế và các nội quy, quy định nơi làm việc của hộ sinh.

Để hành nghề, người hộ sinh cần có sức khỏe tốt, có đạo đức nghề nghiệp, có đầy đủ kiến thức, kỹ năng và thái độ về chuyên môn nghề đáp ứng với vị trí việc làm. Ngoài ra, người hộ sinh phải có lương tâm và trách nhiệm cao, hết lòng yêu nghề, luôn rèn luyện nâng cao phẩm chất đạo đức của người thầy thuốc

1.2. Mục tiêu cụ thể:

1.2.1. Về kiến thức:

- Trình bày được các quy định của pháp luật trong công tác chăm sóc người bệnh, quy định về Luật khám chữa bệnh để hành nghề theo quy định của pháp luật và phù hợp với chức trách, nhiệm vụ, năng lực chuyên môn trong phạm vi quy định của nghề nghiệp;

- Xác định được vai trò, phạm vi thực hành nghề nghiệp của người Hộ sinh trong công tác chăm sóc sức khỏe cho phụ nữ, bà mẹ và trẻ sơ sinh;

- Giải thích được nguyên nhân, triệu chứng, hướng điều trị người bệnh để lập kế hoạch chăm sóc người bệnh;

- Trình bày được kiến thức trong lĩnh vực sản phụ khoa, sơ sinh, xã hội, y tế công cộng và đạo đức nghề nghiệp làm nền tảng để chăm sóc thích hợp cho bà mẹ, trẻ sơ sinh và gia đình của họ phù hợp với các yếu tố văn hóa của cộng đồng;

- Trình bày được những kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội, pháp luật, quốc phòng an ninh, giáo dục thể chất theo quy định..

1.2.2. Về kỹ năng:

- Giao tiếp, phối hợp có hiệu quả với bác sỹ, đồng nghiệp, khách hàng trong học tập và công tác chăm sóc người bệnh. Thực hiện được công tác tư vấn, truyền thông, giáo dục sức khỏe về chăm sóc sức khỏe sinh sản có hiệu quả tại cơ sở y tế và cộng đồng.

- Chăm sóc bà mẹ trước khi mang thai có chất lượng cao, giáo dục sức khỏe phù hợp với văn hóa cộng đồng. Hỗ trợ việc kế hoạch hóa gia đình hoặc kết thúc thai nghén theo quy định của luật pháp và hướng dẫn quốc gia về dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản.

- Chăm sóc bà mẹ thời kỳ thai nghén có chất lượng cao để đảm bảo sức khỏe cho bà mẹ tốt nhất; dự phòng và phát hiện sớm tai biến sản khoa để xử trí hoặc chuyển tuyến kịp thời.

- Chăm sóc bà mẹ trong chuyển dạ với chất lượng cao; đỡ đẻ sạch, an toàn; xử trí, cấp cứu đảm bảo sức khỏe tốt nhất cho mẹ và trẻ sơ sinh;

- Chăm sóc toàn diện, chất lượng cao cho bà mẹ sau đẻ và trẻ sơ sinh theo phân cấp chăm sóc.

- Khám và nhận định tình trạng sức khỏe bà mẹ, trẻ sơ sinh, người bệnh, người sử dụng dịch vụ; xác định vấn đề ưu tiên cần chăm sóc của từng đối tượng.

- Lập được kế hoạch, thực hiện quy trình chăm sóc bà mẹ, trẻ sơ sinh, người bệnh và người sử dụng dịch vụ.

- Thực hiện sơ cứu, cấp cứu được sản khoa, cấp cứu hồi sức sơ sinh ban đầu; phát hiện những biến chứng thuộc lĩnh vực sản phụ khoa để phối hợp bác sỹ giải quyết tại tuyến y tế cơ sở hoặc chuyển tuyến trên kịp thời, an toàn.

- Quản lý buồng bệnh, quản lý bà mẹ, trẻ sơ sinh, người bệnh và người sử dụng dịch vụ; quản lý thuốc, trang thiết bị, vật tư tiêu hao, hồ sơ bệnh án.

- Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định; khai thác, xử lý, ứng dụng công nghệ thông tin trong công việc chuyên môn của ngành, nghề.

- Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản, đạt bậc 2/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; ứng dụng được ngoại ngữ vào công việc chuyên môn của ngành, nghề.

1.2.3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm:

- Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm, giải quyết công việc, vấn đề phức tạp trong điều kiện làm việc thay đổi.

- Tuân thủ đúng các quy định về y đức, quy chế chuyên môn, quy định của pháp luật liên quan tới lĩnh vực hộ sinh và các quy định khác của ngành y tế.

- Phối hợp tốt với đồng nghiệp trong thực hiện công việc và giải quyết được những tình huống trong thực tế.

- Hướng dẫn, giám sát các thành viên trong nhóm thực hiện nhiệm vụ xác định; chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.

- Đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm.

1.3. Khả năng học tập, nâng cao trình độ

- Khối lượng khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học phải đạt được sau khi tốt nghiệp ngành, nghề Hộ sinh trình độ cao đẳng có thể tiếp tục phát triển ở các trình độ cao hơn.

- Người học sau tốt nghiệp có năng lực tự học, tự cập nhật những tiến bộ khoa học công nghệ trong phạm vi ngành, nghề để nâng cao trình độ hoặc học liên thông lên trình độ cao hơn trong cùng ngành nghề hoặc trong nhóm ngành, nghề hoặc trong cùng lĩnh vực đào tạo.

2. Khung chương trình thực hành 06 tháng y khoa

Tổng thời gian thực hành khám bệnh, chữa bệnh của Hộ sinh là 06 tháng theo quy định của Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ, được phân bổ như sau

Chuyên khoa	Khoa thực hành	Thời gian	Ghi chú
Hồi sức cấp cứu	Khoa Cấp cứu - Hồi sức tích cực - Chống độc	1 tháng (160 tiết)	Bắt buộc
Sản phụ khoa	Khoa Phụ Sản	5 tháng (800 tiết)	

** Lưu ý:

- Lịch thực hành của học viên sẽ do Phòng Điều dưỡng sắp xếp để phân bổ số lượng học viên hợp lý tại các khoa cùng một thời điểm.

- Học viên thực hành luân phiên, tập trung, toàn thời gian thời gian thực hành tại các khoa.

- Tại mỗi khoa, học viên tham gia thực hành và trực theo quy định của Bệnh viện.

- Học viên phải tham dự > 90% tổng thời lượng chương trình.

- Trường hợp phải dừng thực hành vì lý do sức khỏe hoặc vì các lý do bất khả kháng khác, người thực hành được hướng dẫn thực hiện thủ tục xin bảo lưu kết quả thực hành (theo quy định tại Điều 4 Nghị định 96/2023/CP-NĐ).

3. Nội dung

3.1. Lý thuyết:

STT	BÀI HỌC
1	Chăm sóc trước sinh
2	Quy trình theo dõi chuyển dạ
3	Theo dõi biểu đồ chuyển dạ
4	Theo dõi tim thai – cơn gò tử cung bằng monitor trước và trong chuyển dạ
5	Chăm sóc thiết yếu bà mẹ và trẻ sơ sinh trong và ngay sau sinh
6	Chăm sóc thiết yếu bà mẹ và trẻ sơ sinh trong và sau mổ lấy thai

STT	BÀI HỌC
7	Theo dõi chăm sóc sản phụ băng huyết sau sinh
8	Theo dõi sản phụ tiền sản giật, sản giật có sử dụng magnesium sulfate/Nicardipin
9	Theo dõi chăm sóc bà mẹ và trẻ sơ sinh sau sinh
10	Hướng dẫn bà mẹ cho trẻ bú đúng
11	Kỹ thuật tắm – chăm sóc rốn trẻ sơ sinh

3.2. Thực hành:

TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	CHỈ TIÊU
I	TRƯỚC SINH	
1	Khám thai	100
2	Chăm sóc, theo dõi thai phụ mắc bệnh truyền nhiễm	1
3	Chăm sóc, theo dõi thai phụ bệnh lý	1
4	Chăm sóc, chuẩn bị bệnh trước phẫu thuật sản, phụ khoa	10
5	Xử trí ban đầu người bệnh có bệnh lý về sản khoa	1
6	Nghiệm pháp dung nạp Glucose đường uống cho phụ nữ mang thai	5
	TRONG SINH	
7	Khám, xác định và theo dõi các giai đoạn của chuyển dạ	50
8	Chăm sóc, theo dõi sản phụ chuyển dạ đẻ	50
9	Theo dõi và truyền oxytocin trong chuyển dạ	50
10	Theo dõi gây chuyển dạ bằng thuốc	50
11	Xử trí sa dây rốn	1
12	Kỹ thuật tách màng ối	1
13	Kỹ thuật bấm ối	50
14	Nghiệm pháp lọt ngôi chỏm	50
15	Đỡ đẻ thường ngôi chỏm	50
16	Xử trí tích cực giai đoạn 3 cuộc chuyển dạ	50
17	Thực hiện nghiệm pháp bong rốn, đỡ rốn, kiểm tra bánh rốn	50
18	Cắt và khâu tầng sinh môn	10
19	Đón bé sau mổ	20
	SAU SINH	
20	Kỹ thuật da kề da (ngay sau đẻ, mổ đẻ)	50
21	Chèn gạc âm đạo cầm máu	1

22	Xử trí ban đầu băng huyết sau sinh đường âm đạo	1
23	Lấy khối máu tụ âm đạo; tầng sinh môn với kích thước < 2x3 cm	1
24	Theo dõi đặt bóng chèn lòng tử cung để cầm máu	1
25	Chăm sóc, theo dõi bà mẹ ngay đầu sau đẻ	20
26	Xoa bóp vú thông tuyến sữa sau sinh	20
27	Chăm sóc, theo dõi vết khâu tầng sinh môn sau đẻ	10
28	Làm thuốc âm hộ; âm đạo sau đẻ	10
29	Làm thuốc tầng sinh môn sau đẻ	10
PHỤ KHOA- PHÁ THAI - KẾ HOẠCH HÓA GIA ĐÌNH		
31	Khám phụ khoa	10
32	Xử trí ban đầu cấp cứu phụ khoa	1
33	Chăm sóc, theo dõi bệnh nhân trước thủ thuật sản phụ khoa	20
34	Chăm sóc, theo dõi bệnh nhân sau thủ thuật sản phụ khoa	20
35	Chăm sóc, theo dõi bệnh nhân trước phẫu thuật sản, phụ khoa	20
36	Chăm sóc, theo dõi người bệnh sau phẫu thuật sản, phụ khoa	20
37	Chăm sóc và theo dõi người bệnh trước phẫu thuật bệnh lý	2
38	Chăm sóc và theo dõi người bệnh sau phẫu thuật bệnh lý	2
39	Chăm sóc, theo dõi người bệnh chữa ngoài tử cung	10
40	Kỹ thuật thực hiện thuốc qua niêm mạc âm đạo	10
41	Lấy bệnh phẩm để xét nghiệm tế bào học âm đạo, cổ tử cung	5
42	Lấy bệnh phẩm để xét nghiệm vi khuẩn, vi nấm, Trichomonas nhuộm soi và phân tích tự động hỗ trợ chẩn đoán viêm âm đạo	10
43	Đặt thuốc trong điều trị viêm âm hộ, âm đạo, cổ tử cung	5
44	Tháo dụng cụ tử cung	1
45	Theo dõi, chăm sóc người bệnh phá thai nội khoa	10

	SƠ SINH	
46	Chiếu đèn điều trị vàng da sơ sinh	20
47	Khám phát hiện di tật ngoài trẻ sơ sinh	20
48	Khám sàng lọc toàn thân cho trẻ sơ sinh để phát hiện những dấu hiệu bất thường của trẻ	20
49	Chăm sóc rốn sơ sinh	50
50	Chăm sóc rốn sơ sinh nhiễm khuẩn	2
51	Tắm trẻ sơ sinh	50
52	Chăm sóc và theo dõi trẻ sơ sinh ngay sau đẻ	50
53	Chăm sóc và theo dõi trẻ sơ sinh ngày đầu sau đẻ	50
54	Đặt ống thông dạ dày (hút dịch hoặc nuôi dưỡng) sơ sinh	5
55	Cho trẻ ăn qua sonde dạ dày	50
56	Chăm sóc và theo dõi trẻ sơ sinh nằm lồng ấp	50
57	Hồi sức trẻ sơ sinh ngạt sau sinh	1
58	Cấp cứu sặc sữa	1
59	Xử trí ban đầu dị vật đường thở trẻ sơ sinh	1
60	Xử trí ban đầu hạ thân nhiệt ở trẻ sơ sinh	1
61	Xử trí ban đầu hạ đường huyết ở trẻ sơ sinh	1
62	Xử trí chảy máu rốn	1
63	Chăm sóc trẻ sơ sinh được chiếu đèn điều trị vàng da	2
64	Tiêm chủng và theo dõi, chăm sóc sau tiêm chủng	20

4. Lượng giá người học và lượng giá chương trình

4.1. Điều kiện thi kết thúc chương trình

Giấy xác nhận của người hướng dẫn thực hành: Đạt.

4.2. Lượng giá lý thuyết:

Câu hỏi trắc nghiệm với mức độ áp dụng theo phân bậc nhận thức của Bloom (dạng tình huống)

	Chẩn đoán	Điều trị	Chăm sóc	Phòng ngừa	Tổng cộng
Hồi sức cấp cứu					
Sản phụ khoa					
Tổng cộng					50-100

- Công cụ lượng giá: Bộ câu hỏi trắc nghiệm

4.3. Lượng giá thực hành:

Trình chuyên đề (tự chọn).

4.4. Điều kiện hoàn thành chương trình

- Điểm lý ≥ 5 .
- Điểm thi thực hành kết thúc ≥ 5 .

4.5. Người thực hành lượng giá chương trình đào tạo

Kết thúc mỗi chuyên khoa vào ngày cuối cùng, tất cả người thực hành phản hồi cho công tác huấn luyện đào tạo và chương trình theo mẫu thống nhất được đơn vị đào tạo của bệnh viện ban hành. Đây là cơ sở đảm bảo chất lượng và cải thiện chương trình liên tục.

→ Bảng câu hỏi lượng giá chương trình và công tác huấn luyện đào tạo.

5. Tài liệu tham khảo

- Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh.
- Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ Y tế quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh
- Chương trình đào tạo trình độ cao đẳng ngành Hộ sinh của trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp.



**KHUNG CHƯƠNG TRÌNH HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH KHÁM BỆNH,
CHỮA BỆNH ĐỂ CẤP GIẤY PHÉP HÀNH NGHỀ
TẠI BỆNH VIỆN ĐA KHOA KHU VỰC THÁP MƯỜI**

(Kèm theo bản công bố số: *494* /BVTM ngày *16* tháng *8* năm 2024
của Bệnh viện Đa khoa khu vực Tháp Mười)

ĐỐI VỚI CHỨC DANH KỸ THUẬT Y

Đối tượng: Kỹ thuật y chưa được cấp giấy phép hành nghề cần thay đổi chức danh chuyên môn.

**A. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THỰC HÀNH CHUYÊN MÔN VỀ HỒI SỨC
CẤP CỨU ĐỐI VỚI CÁC CHỨC DANH KỸ THUẬT Y**

1. Mục tiêu tổng quát

Học viên sau khi hoàn thành khóa học được cung cấp các hiểu biết, kỹ năng cơ bản, cần thiết nhất về chẩn đoán, xử trí cấp cứu các tình huống bệnh lý thường gặp tại khoa hồi sức cấp cứu.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Kiến thức

- Biết các bước cấp cứu ngưng hô hấp tuần hoàn cơ bản
- Biết các bước cấp cứu phản vệ
- Biết các biện pháp phòng ngừa chuẩn trong chăm sóc người bệnh
- Biết các tiêu chí an toàn người bệnh liên ở đối tượng người bệnh nặng
- Biết các quy tắc cơ bản về giao tiếp trong chăm sóc người bệnh

2.2. Kỹ năng

- Nhận biết và thực hiện được các thao tác cấp cứu ngưng hô hấp tuần hoàn cơ bản
- Nhận biết và thực hiện được các thao tác cấp cứu người bệnh sốc phản vệ
- Sử dụng được các dụng cụ trong cấp cứu ngưng hô hấp tuần hoàn
- Áp dụng đúng phòng ngừa chuẩn trong thực hành lâm sàng
- Tuân thủ đúng các quy tắc an toàn trong chăm sóc hằng ngày dành cho người bệnh nặng

2.3. Thái độ

- Rèn luyện tác phong tích cực, khẩn trương, cẩn thận và tinh thần trách nhiệm trong khám và điều trị người bệnh.

3. Nội dung:

3.1. Lý thuyết

STT	Tên bài	Mục tiêu
1	Cấp cứu ngưng hô hấp tuần hoàn	<ol style="list-style-type: none">1. Nhận diện người bệnh ngưng hô hấp tuần hoàn2. Biết thứ tự cấp cứu và yêu cầu trong các bước cấp cứu3. Biết cách sử dụng các dụng cụ trong cấp cứu ngưng hô hấp tuần hoàn4. Thực hành được trên mô hình về cấp cứu ngưng hô hấp tuần hoàn cơ bản
2	Cấp cứu phản vệ	<ol style="list-style-type: none">1. Nhận diện người bệnh phản vệ và phân độ phản vệ2. Nắm được các bước xử trí sốc phản vệ3. Chuẩn bị được hộp dụng cụ chống sốc phản vệ4. Biết cách phòng ngừa phản vệ
3	Dụng cụ trong hỗ trợ hô hấp	<ol style="list-style-type: none">1. Cấu tạo bóng bóp có túi dự trữ và cách sử dụng2. Các dụng cụ cung cấp oxy và cách sử dụng: cannula mũi, mặt nạ kèm/không kèm túi dự trữ, cannula mũi lưu lượng cao
4	Áp dụng Phòng ngừa chuẩn trong chăm sóc người bệnh	<ol style="list-style-type: none">1. Trình bày được định nghĩa, nguyên tắc và các nội dung phòng ngừa chuẩn.2. Nhận dạng được các tình huống cần áp dụng phòng ngừa chuẩn trong CSNB.3. Thực hành đúng các quy định phòng ngừa chuẩn phù hợp với thực tế tại bệnh viện.4. Lựa chọn và sử dụng được các phương tiện phòng hộ cá nhân phù hợp với các tình huống CSNB.5. Phân loại đúng chất thải rắn y tế.
5	An toàn người bệnh trong chăm sóc hằng ngày cho người bệnh nặng	<ol style="list-style-type: none">1. Xác định người bệnh và phòng ngừa sự cố y khoa liên quan đến xác định người bệnh2. Trình bày được các yêu cầu an toàn khi thực hiện cận lâm sàng tại giường cho người bệnh
6	Kỹ năng giao tiếp trong chăm sóc hằng ngày dành cho người bệnh nặng	<ol style="list-style-type: none">1. Trình bày được kỹ năng giao tiếp cơ bản và những điểm cần lưu ý trong giao tiếp của kỹ thuật viên y học2. Thực hành được giao tiếp phù hợp, hiệu quả trong chăm sóc người bệnh

3.2. Thực hành:

STT	Tên bài	Kỹ năng	Chỉ tiêu thực hành Số lần tối thiểu/1 học viên		
			Kiến tập	Phụ	Tự làm (có sự cho phép của người hướng dẫn)
1	Cấp cứu ngưng hô hấp tuần hoàn	Thực hiện kỹ thuật nhồi tim đúng yêu cầu	2	2	-
2	Cấp cứu phản vệ	Thực hiện các bước cấp cứu sốc phản vệ theo phác đồ	2	2	-
		Soạn bộ dụng cụ cấp cứu sốc phản vệ (theo thông tư 51/2017 TT-BYT)	2	2	-
3	Dụng cụ trong hỗ trợ hô hấp	Sử dụng airway chống cắn và tránh tụt lưỡi	2	2	2 lần
		Bóp bóng giúp thở	2	2	2 lần
		Sử dụng oxy cannula mũi	2	2	2 lần
		Sử dụng mask không thở lại có túi dự trữ	2	2	2 lần
		Sử dụng hệ thống oxy qua cannula mũi lưu lượng cao	2	2	-
4	Áp dụng phòng ngừa chuẩn trong chăm sóc người bệnh	Thực hành quy định về phòng ngừa chuẩn khi thực hành tại khoa lâm sàng	8 giờ	-	Trong suốt thời gian thực hành tại khoa
5	An toàn người bệnh trong thực hiện cận lâm sàng tại giường	Kiểm tra các yếu tố an toàn người bệnh khi thực hiện cận lâm sàng tại giường	4	4	2 lần
		Xác định đúng người bệnh trong chăm sóc hằng ngày	8 giờ	-	Trong suốt thời gian thực hành tại khoa

Y
HVV
KI
TU
HÁP

B. ĐỐI VỚI CHỨC DANH KỸ THUẬT Y XÉT NGHIỆM Y HỌC

1. Mục tiêu

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cán bộ xét nghiệm y tế là đào tạo những người cán bộ có y đức, có kiến thức khoa học cơ bản, kiến thức chuyên ngành và kỹ năng thực hành thành thạo, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo để giải quyết các vấn đề thuộc ngành học nhằm phục vụ yêu cầu chẩn đoán và điều trị; có khả năng tự học và nghiên cứu khoa học đáp ứng nhu cầu bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân.

1.2. Mục tiêu cụ thể

1.2.1. Thái độ, tác phong nghề nghiệp

- Tận tụy với sự nghiệp bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân, hết lòng phục vụ người bệnh.

- Khiêm tốn học tập, chân thành hợp tác với đồng nghiệp.

- Trung thực, khách quan, nghiêm túc trong công việc chuyên môn.

1.2.2. Đạo đức, lối sống và trách nhiệm

- Có đạo đức tốt, có ý thức cao và có lối sống lành mạnh,

- Trung thành với Tổ quốc, với chế độ Xã hội Chủ nghĩa.

- Chấp hành nghiêm chỉnh đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước và nghĩa vụ, trách nhiệm của công dân.

- Có sức khỏe để đảm bảo được việc chăm sóc, bảo vệ sức khỏe của nhân dân.

1.2.3. Kiến thức

- Trình bày được kiến thức về khoa học cơ bản, y học cơ sở làm nền tảng cho công việc kỹ thuật xét nghiệm y học.

- Giải thích được cấu tạo, hoạt động và chức năng của cơ thể con người trong trạng thái bình thường và bệnh lý; kiến thức y học chuyên ngành phục vụ cho công việc.

- Trình bày được sự tác động của môi trường sống và sức khỏe con người, các biện pháp duy trì, cải thiện điều kiện sống để bảo vệ và nâng cao sức khỏe.

- Giải thích được nguyên lý, cơ chế các xét nghiệm hóa sinh miễn dịch, huyết học truyền máu, vi sinh - ký sinh trùng, tế bào - mô bệnh học thông thường phục vụ chẩn đoán và điều trị bệnh.

- Phân tích được nguyên tắc, phương pháp pha chế một số dung dịch chuẩn, thuốc nhuộm, thuốc thử, môi trường.

- Giải thích được các quy chế vô khuẩn, quy định về sử dụng hóa chất, sinh phẩm chuyên dụng, an toàn sinh học và quản lý chất lượng xét nghiệm.

- Trình bày được phương pháp luận khoa học trong công tác nghiên cứu khoa học.

- Vận dụng các kiến thức về chính sách, pháp luật và quy định về chuyên môn nghiệp vụ để bảo vệ quyền lợi chính đáng của cá nhân, đồng nghiệp, người bệnh và nhân dân trong điều kiện chuyên môn cụ thể.

- Trình bày được những kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội, pháp luật, quốc phòng an ninh, giáo dục thể chất theo quy định.

1.2.4. Kỹ năng

- Pha chế thành thạo một số dung dịch đệm, thuốc nhuộm, thuốc thử, môi trường, sử dụng được các bộ thuốc thử (kit) phục vụ cho công tác xét nghiệm.

- Làm thành thạo các xét nghiệm cơ bản về huyết học truyền máu, hóa sinh miễn dịch, vi sinh ký sinh trùng, xét nghiệm tế bào phục vụ chẩn đoán và điều trị bệnh.

- Định danh được các vi sinh vật gây bệnh thường gặp; nhận định và phân tích được kết quả xét nghiệm sinh hóa miễn dịch, huyết học truyền máu cơ bản; xác định được tế bào mô bệnh học trong tổn thương dạng viêm và u một số mô của cơ thể.

- Tổ chức được xét nghiệm hàng loạt tại cộng đồng một cách độc lập hoặc phối hợp với đồng nghiệp.

- Sử dụng và bảo quản được các trang thiết bị, hóa chất, sinh phẩm chuyên dụng trong phòng xét nghiệm.

- Kiểm soát được lây nhiễm, xử lý rác thải theo đúng quy định về an toàn sinh học phòng xét nghiệm.

- Ghi chép, vào sổ, thống kê các hoạt động chuyên môn theo mẫu quy định. Lưu trữ, bảo quản các tài liệu trong lĩnh vực được giao.

- Tham gia công tác quản lý phòng xét nghiệm, chất lượng phòng xét nghiệm.

- Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định; khai thác, xử lý, ứng dụng công nghệ thông tin trong công việc chuyên môn của ngành, nghề.

- Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản, đạt bậc 2/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; ứng dụng được ngoại ngữ vào công việc chuyên môn của ngành, nghề.

1.2.5. Mức độ tự chủ và trách nhiệm

- Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm, giải quyết công việc, vấn đề phức tạp trong điều kiện làm việc thay đổi.

- Hướng dẫn, giám sát các nhân viên trong nhóm, trong tổ hoặc các sinh viên thực tập thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn xác định.

- Chịu trách nhiệm về kết quả công việc của bản thân trước nhóm và cấp trên.

- Đánh giá đúng chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm.

- Tuân thủ các nguyên tắc, quy trình kỹ thuật xét nghiệm, quy trình bảo đảm chất lượng xét nghiệm; các quy định về an toàn lao động, an toàn sinh học, sử dụng, bảo dưỡng cơ sở vật chất và các trang thiết bị.

- Tuân thủ đạo đức nghề nghiệp, hành nghề theo quy định của pháp luật.

- Xây dựng môi trường làm việc an toàn hiệu quả.

- Thận trọng, tỉ mỉ, chính xác, khoa học và đúng mực trong khi thực hiện nhiệm vụ.

2. Khung chương trình thực hành 06 tháng y khoa

Tổng thời gian thực hành khám bệnh, chữa bệnh của Kỹ thuật y là 06 tháng theo quy định của Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ, được phân bổ như sau

Chuyên khoa	Khoa thực hành	Thời gian	Ghi chú
Hồi sức cấp cứu	Khoa Cấp cứu - Hồi sức tích cực - Chống độc	1 tháng (160 tiết)	Bắt buộc
Xét nghiệm	Khoa Xét nghiệm	5 tháng (800 tiết)	

****Lưu ý:**

- Lịch thực hành của học viên sẽ do Phòng Điều dưỡng sắp xếp để phân bổ số lượng học viên hợp lý tại các khoa cùng một thời điểm.

- Học viên thực hành luân phiên, tập trung, toàn thời gian thời gian thực hành tại các khoa.

- Tại mỗi khoa, học viên tham gia thực hành và trực theo quy định của Bệnh viện.

- Học viên phải tham dự > 90% tổng thời lượng chương trình.

- Trường hợp phải dừng thực hành vì lý do sức khỏe hoặc vì các lý do bất khả kháng khác, người thực hành được hướng dẫn thực hiện thủ tục xin bảo lưu kết quả thực hành (theo quy định tại Điều 4 Nghị định 96/2023/CP-NĐ).

3. Nội dung

3.1. Lý thuyết

STT	Bài học	Khoa
1	Hướng dẫn kỹ thuật làm kháng sinh đồ	Khoa Xét nghiệm
2	Một số vấn đề cơ bản về an toàn trong phòng xét nghiệm	
3	Quy định chung khi thu thập bệnh phẩm xét nghiệm vi	
4	Các phương pháp xét nghiệm miễn dịch lâm sàng	
5	Nguyên lý hoạt động và kỹ thuật vận hành máy xét nghiệm huyết học tự động	Khoa Xét nghiệm
6	Nguyên lý hoạt động và kỹ thuật vận hành của máy xét nghiệm đông máu	
7	Quy trình thực hiện phết máu ngoại biên và đánh giá tế bào trên phết lam	
8	Quy trình xét nghiệm nhóm máu và xét nghiệm hòa hợp miễn dịch truyền máu	
9	Quy trình kỹ thuật hóa sinh	

10	Hướng dẫn vận hành thiết bị và nguyên lý phép đo máy xét nghiệm hóa sinh	Khoa Xét nghiệm
11	Quản lý, giám sát, kiểm tra chất lượng xét nghiệm	
12	Hóa sinh lâm sàng một số bệnh thường gặp	

3.2. Thực hành

STT	Tên Dịch Vụ Kỹ Thuật	CHỈ TIÊU
I. HÓA SINH		
1.	Đo lactat trong máu	2
2.	Nghiệm pháp dung nạp glucose đường uống (75g Glucose) 3 mẫu cho người bệnh thai nghén	2
3.	Định lượng Acid Uric [Máu]	2
4.	Định lượng Albumin [Máu]	2
5.	Đo hoạt độ Amylase [Máu]	1
6.	Định lượng Amoniac (NH ₃) [Máu]	2
7.	Đo hoạt độ ALT (GPT) [Máu]	2
8.	Đo hoạt độ AST (GOT) [Máu]	2
9.	Định lượng Bilirubin trực tiếp [Máu]	2
10.	Định lượng Bilirubin gián tiếp [Máu]	2
11.	Định lượng Bilirubin toàn phần [Máu]	2
12.	Định lượng Calci toàn phần [Máu]	2
13.	Định lượng Calci ion hoá [Máu]	2
14.	Đo hoạt độ Cholinesterase (ChE) [Máu]	2
15.	Định lượng Cholesterol toàn phần (máu)	2
16.	Điện giải đồ (Na, K, Cl) [Máu]	50
17.	Định lượng Ethanol (cồn) [Máu]	1
18.	Định lượng Ferritin [Máu]	1
19.	Định lượng FT3 (Free Triiodothyronine) [Máu]	1
20.	Định lượng FT4 (Free Thyroxine) [Máu]	1
21.	Định lượng Glucose [Máu]	1
22.	Đo hoạt độ GGT (Gama Glutamyl Transferase) [Máu]	5
23.	Định lượng HbA1c [Máu]	10
24.	Định lượng HDL-C (High density lipoprotein Cholesterol) [Máu]	4
25.	Xét nghiệm Khí máu [Máu]	50
26.	Định lượng Lactat (Acid Lactic) [Máu]	1
27.	Định lượng LDL - C (Low density lipoprotein Cholesterol) [Máu]	1
28.	Định lượng Mg [Máu]	1
29.	Định lượng Protein toàn phần [Máu]	2
30.	Định lượng T3 (Tri iodothyronine) [Máu]	2
31.	Định lượng T4 (Thyroxine) [Máu]	2

32.	Định lượng Triglycerid (máu) [Máu]	2
33.	Định lượng TSH (Thyroid Stimulating hormone) [Máu]	2
34.	Định lượng Urê máu [Máu]	2
35.	Điện giải (Na, K, Cl) (niệu)	1
36.	Định tính Amphetamin (test nhanh) [niệu]	1
37.	Định lượng Amylase (niệu)	1
38.	Định lượng Axit Uric (niệu)	1
39.	Định lượng Creatinin (niệu)	1
40.	Định tính Marijuana (THC) (test nhanh) [niệu]	1
41.	Định lượng MAU (Micro Albumin Arine) [niệu]	1
42.	Định tính Opiate (test nhanh) [niệu]	1
43.	Định tính Morphin (test nhanh) [niệu]	2
44.	Định lượng Protein (niệu)	5
45.	Định lượng Urê (niệu)	1
46.	Tổng phân tích nước tiểu (Bằng máy tự động)	100
47.	Định lượng Glucose (dịch não tủy)	1
48.	Định lượng Protein (dịch não tủy)	1
49.	Định lượng Bilirubin toàn phần [dịch]	1
50.	Định lượng Cholesterol toàn phần (dịch chọc dò)	1
51.	Định lượng Glucose (dịch chọc dò)	1
52.	Định lượng Protein (dịch chọc dò)	1
53.	Phản ứng Rivalta [dịch]	1
54.	Định lượng Glucose (niệu)	1
55.	Định lượng Amylase (dịch)	1
56.	CRP định lượng	2
57.	Định lượng Creatinin (dịch)	1
58.	Định lượng Urê (dịch)	2
59.	Đường máu mao mạch	30

II. HUYẾT HỌC - TRUYỀN MÁU

1	Thời gian prothrombin (PT: Prothrombin Time), (Các tên khác: TQ; Tỷ lệ Prothrombin) bằng máy tự động	30
2	Thời gian thromboplastin một phần hoạt hóa (APTT: Activated Partial Thromboplastin Time), (Tên khác: TCK) bằng máy tự động	30
3	Định lượng Fibrinogen (Tên khác: Định lượng yếu tố I), phương pháp Clauss- phương pháp trực tiếp, bằng máy tự động	15
4	Định lượng D-Dimer	2
5	Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi (bằng máy đếm laser)	60
6	Xét nghiệm hồng cầu lưới (bằng máy đếm laser)	3
7	Máu lắng (bằng phương pháp thủ công)	1
8	Phản ứng hòa hợp có sử dụng kháng globulin người (Kỹ thuật ống nghiệm)	15
9	Định nhóm máu hệ ABO (Kỹ thuật ống nghiệm)	15

10	Định nhóm máu hệ Rh(D) (Kỹ thuật ống nghiệm)	15
11	Nghiệm pháp Coombs trực tiếp (Kỹ thuật ống nghiệm)	2
12	Nghiệm pháp Coombs gián tiếp (Kỹ thuật ống nghiệm)	2
III. VI SINH		
1	Thực hành kỹ thuật nhuộm Gram	60
2	Thực hành kỹ thuật nhuộm Ziehl-Neelsen	30
3	Thực hành kỹ thuật soi tươi	15
4	Thực hành qui trình kỹ thuật soi phân tìm ký sinh trùng đường ruột	30
5	Thực hành qui trình kỹ thuật nhuộm Giemsa tìm ký sinh trùng sốt rét	5
6	Thực hành nuôi cấy, định danh các loại bệnh phẩm Vi Sinh: Cấy máu, nước tiểu, mủ, đàm, các loại bệnh phẩm đường sinh dục, các loại bệnh phẩm dịch,...	60
7	Thực hành qui trình vi khuẩn kháng thuốc định tính	60
8	Thực hành qui trình kỹ thuật test nhanh NS1 Ag, viêm gan A, viêm gan B, Viêm gan C, viêm gan E, HIV, RPR, TPHA...	30

C. ĐỐI VỚI KỸ THUẬT Y PHỤC HỒI CHỨC NĂNG

1. Mục tiêu

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo người học Kỹ thuật Phục hồi chức năng có ý thức, có kiến thức khoa học cơ bản, y học cơ sở, kiến thức và kỹ năng về chuyên môn, nghiệp vụ ngành học ở trình độ cao đẳng; có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo, tự học và nghiên cứu khoa học đáp ứng nhu cầu bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân.

1.2. Mục tiêu cụ thể

1.2.1. Kiến thức

- Giải thích các kiến thức cơ bản về giải phẫu sinh lý người, sinh lý bệnh, sinh học di truyền, bệnh học nội – ngoại khoa, dược lý, điều dưỡng cơ bản - cấp cứu ban đầu vào việc lập kế hoạch chăm sóc điều trị.

- Trình bày được các phương pháp chẩn cứu và chữa bệnh không dùng thuốc (y học cổ truyền) phục hồi chức năng cho người bệnh.

- Giải thích được những nguyên nhân, triệu chứng trong điều trị vật lý trị liệu hệ tim mạch - hô hấp, hệ thần kinh – cơ, vật lý trị liệu cơ -xương, phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng.

- Trình bày được phương pháp vận động trị liệu, qui trình thực hiện lượng giá chức năng hệ vận động, qui trình bảo quản trang thiết bị vật lý trị liệu trong điều trị;

- Phân tích được tác dụng điều trị trong các trường hợp vật lý trị liệu-hệ tim mạch - hô hấp, vật lý trị liệu hệ thần kinh - cơ, vật lý trị liệu cơ xương, phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng.

- Trình bày được những kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội, pháp luật, quốc phòng an ninh, giáo dục thể chất theo quy định.

1.2.2. Kỹ năng

- Giao tiếp với người bệnh, người nhà người bệnh và đồng nghiệp hiệu quả.
- Thực hiện thành thạo sơ cấp cứu ban đầu.
- Xác định được vị trí giải phẫu cơ - xương - thần kinh trên người bệnh.
- Lượng giá thành thạo chức năng hệ vận động của cơ thể.
- Vận hành thành thạo an toàn và bảo quản tốt các trang thiết bị chuyên ngành Phục hồi chức năng.

- Thực hiện thành thạo các thao tác tập vận động trị liệu, các phương pháp điều trị phục hồi chức năng trị liệu, PHCN trị liệu hệ tim mạch - hô hấp, PHCN trị liệu hệ thần kinh – cơ, PHCN trị liệu cơ xương.

- Áp dụng các phương pháp châm cứu và xoa bóp chữa bệnh không dùng thuốc phục hồi chức năng cho người bệnh.

- Hướng dẫn người bệnh, gia đình người bệnh sử dụng thành thạo một số dụng cụ trợ giúp đơn giản hỗ trợ trong điều trị.

- Hướng dẫn thành thạo các phương pháp phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng.

- Xây dựng kế hoạch làm việc theo nhóm và phối hợp với các thành viên trong nhóm để thực hiện kế hoạch chăm sóc điều trị cho bệnh nhân.

- Tổ chức và quản lý khoa phòng trị liệu phục hồi chức năng một cách khoa học;

- Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định; ứng dụng công nghệ thông tin trong một số công việc chuyên môn của ngành, nghề.

- Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản, đạt bậc 1/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ của Việt.

Nam; ứng dụng được ngoại ngữ vào một số công việc chuyên môn của ngành, nghề.

1.2.3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm

- Làm việc độc lập, làm việc theo nhóm, giải quyết công việc, vấn đề phức tạp trong điều kiện làm việc thay đổi.

- Hướng dẫn, giám sát thực hiện nhiệm vụ, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.

- Chấp hành nhiệm vụ được giao, chủ động, chịu trách nhiệm trong công việc.

- Giữ gìn bí mật thông tin của người bệnh.

- Tuyên truyền, giáo dục sức khỏe, phòng ngừa tàn tật cho người bệnh.

- Đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm.

- Tuân thủ quy định của pháp luật khi hành nghề, rèn luyện đạo đức nghề nghiệp và những quy định của nơi làm việc.

- Có tinh thần đoàn kết, hòa nhã, khiêm tốn với đồng nghiệp, cảm thông, chia sẻ, ân cần chu đáo với người bệnh và gia đình người bệnh.

- Trung thực, khách quan, thận trọng trong quá trình thực hành nghề nghiệp.

2. Khung chương trình thực hành 6 tháng y khoa

Tổng thời gian thực hành khám bệnh, chữa bệnh của Kỹ thuật y là 06 tháng theo quy định của Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ, được phân bổ như sau

Chuyên khoa	Khoa thực hành	Thời gian	Ghi chú
Hồi sức cấp cứu	Khoa Cấp cứu - Hồi sức tích cực - Chống độc	1 tháng	Bắt buộc
Phục hồi chức năng	Khoa VLTL – PHCN.	5 tháng	

** Lưu ý:

- Lịch thực hành của học viên sẽ do Phòng Điều dưỡng sắp xếp để phân bổ số lượng học viên hợp lý tại các khoa cùng một thời điểm.

- Học viên thực hành luân phiên, tập trung, toàn thời gian thời gian thực hành tại các khoa.

- Tại mỗi khoa, học viên tham gia thực hành và trực theo quy định của Bệnh viện.

- Học viên phải tham dự > 90% tổng thời lượng chương trình.

- Trường hợp phải dừng thực hành vì lý do sức khỏe hoặc vì các lý do bất khả kháng khác, người thực hành được hướng dẫn thực hiện thủ tục xin bảo lưu kết quả thực hành (theo quy định tại Điều 4 Nghị định 96/2023/CP-NĐ)

3. Nội dung

3.1. Lý thuyết:

STT	TÊN BÀI
1	Điều trị bằng các dòng điện xung
2	Tập vận động thụ động
3	Tập vận động có trợ giúp
4	Tập vận động chủ động

3.2. Thực hành:

STT	DANH MỤC KỸ THUẬT	CHỈ TIÊU
1.	Điều trị bằng từ trường	200
2.	Điều trị bằng điện xung	500
3.	Điều trị bằng siêu âm	300

4.	Điều trị bằng tia hồng ngoại	200
5.	Điều trị bằng Parafin	10
6.	Điều trị bằng máy kéo giãn cột sống	50
7.	Tập vận động thụ động	400
8.	Tập vận động có trợ giúp	400
9.	Tập vận động có kháng trở	200
10.	Tập với dụng cụ chèo thuyền	200
11.	Tập với xe đạp tập	200
12.	Kỹ thuật kéo nắn trị liệu	200
13.	Kỹ thuật xoa bóp vùng	200
14.	Kỹ thuật xoa bóp toàn thân	200
15.	Điều hợp vận động	20
16.	Tập với thang tường	200
17.	Tập với ròng rọc	200
18.	Tập với dụng cụ quay khớp vai	200

C. ĐỐI VỚI KỸ THUẬT Y HÌNH ẢNH Y HỌC

1. Mục tiêu: Sau khi hoàn thành đợt thực tập, sinh viên phải đạt được:

1.1. Học phần X-quang: Mục tiêu theo yêu cầu của khoa CDHA.

1.2. Học phần Kỹ thuật chụp cắt lớp vi tính

* Về kiến thức:

- Trình bày được các khái niệm cơ bản về máy chụp cắt lớp vi tính, nguyên lý và kỹ năng vận hành máy.

- Phân biệt được các loại thuốc cản quang dùng trong CT, hiểu biết về các chỉ định và chống chỉ định khi dùng thuốc cản quang .

- Mô tả được các quy trình kỹ thuật chụp CT sọ-mặt, ngực, bụng, chậu, mạch máu.

- Về thái độ:

Sử dụng kỹ năng giao tiếp để tạo mối liên hệ tốt giữa đồng nghiệp, bệnh nhân và thân nhân để duy trì và nâng cao chất lượng phục vụ. Tôn trọng người bệnh, nhân viên y tế.

* Về kỹ năng.

- Thực hiện được đúng các quy trình kỹ thuật chụp CT cơ bản trên người bệnh.

- Nhận định, đánh giá được các tiêu chuẩn trên phim CT đạt yêu cầu.

- Áp dụng các kiến thức, các nguyên tắc an toàn để duy trì môi trường an toàn cho người bệnh.

1.3. Học phần Kỹ thuật ghi nhận và lưu giữ hình ảnh.

* Về kiến thức:

- Nêu được thành phần và tính chất của thuốc hiện hình, thuốc định hình.

- Nêu được các bước chuẩn bị, thay và châm thuốc, làm sạch thuốc và sấy khô.

- Nêu được các nguyên lý hoạt động của các loại máy in phim.

* Về kỹ năng

- Vận dụng được các phương pháp ghi nhận và lưu giữ hình ảnh.

- Lưu giữ hình ảnh trong các máy đặc biệt.

1.4. Thực hành bệnh viện

* Về kiến thức:

Nắm được thuần thực tất cả các nguyên lý, quy trình chụp kỹ thuật chụp cắt lớp vi tính và X-quang trên người bệnh.

* Về kỹ năng:

- Thực hiện được thuần thực tất cả các kỹ thuật chụp cắt lớp vi tính và X-quang dưới sự hướng dẫn của giảng viên lâm sàng.

- Phát hiện và xử trí được các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện kỹ thuật (nếu có).

ANH
KH
HUY
HAPP
ĐAN

- Đánh giá được phim đạt tiêu chuẩn kỹ thuật, phát hiện và đề xuất phương án để phim đạt chất lượng theo yêu cầu.

- Tuân thủ các bước thực hành an toàn bức xạ, và đề xuất được các thay đổi về mặt kỹ thuật nhằm đảm bảo an toàn bức xạ cho bệnh nhân và nhân viên.

Mục tiêu chung về thái độ và kỹ năng mềm trong đợt thực tập:

- Rèn luyện được thái độ cẩn thận, nghiêm túc, chính xác trong quá trình học và thực hiện các Kỹ thuật hình ảnh.

- Nhận thức được tầm quan trọng của môn học trong chuyên ngành Kỹ thuật hình ảnh y học. Có thái độ đúng mực với thầy cô, nhân viên y tế, bạn học, người bệnh, người nhà. Tôn trọng các chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp.

2. Khung chương trình thực hành 06 tháng y khoa

Tổng thời gian thực hành khám bệnh, chữa bệnh của Kỹ thuật y là 06 tháng theo quy định của Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ, được phân bổ như sau

Chuyên khoa	Khoa thực hành	Thời gian	Ghi chú
Hồi sức cấp cứu	Khoa Cấp cứu - Hồi sức tích cực - Chống độc.	1 tháng (160 tiết)	Bắt buộc
Chẩn đoán hình ảnh	Khoa Chẩn đoán hình ảnh.	5 tháng (800 tiết)	

** Lưu ý:

- Lịch thực hành của học viên sẽ do Phòng Điều dưỡng sắp xếp để phân bổ số lượng học viên hợp lý tại các khoa cùng một thời điểm.

- Học viên thực hành luân phiên, tập trung, toàn thời gian thời gian thực hành tại các khoa.

- Tại mỗi khoa, học viên tham gia thực hành và trực theo quy định của Bệnh viện.

- Học viên phải tham dự > 90% tổng thời lượng chương trình.

- Trường hợp phải dừng thực hành vì lý do sức khỏe hoặc vì các lý do bất khả kháng khác, người thực hành được hướng dẫn thực hiện thủ tục xin bảo lưu kết quả thực hành (theo quy định tại Điều 4 Nghị định 96/2023/CP-NĐ).

3. Nội dung

3.1. Lý Thuyết:

1. KỸ THUẬT X-QUANG: Theo yêu cầu của khoa CDHA	
2. KỸ THUẬT CHỤP CLVT	
2.1	TH Kỹ thuật chụp CT vùng sọ-mặt
2.2	TH Kỹ thuật chụp CT ngực
2.3	TH Kỹ thuật chụp CT bụng-chậu
2.4	Nhận định phim chụp CT đạt yêu cầu
2.5	TH Nhận biết được các bất thường trên phim CT một số bệnh thường gặp
3. KỸ THUẬT GHI NHẬN VÀ LƯU GIỮ HÌNH ẢNH	

4.1	Lưu giữ hình ảnh trong các máy đặc biệt
-----	---

3.2. Thực hành:

TT	TÊN DVKT	CHỈ TIÊU
I. CHỤP CLVT		
1	Chụp CLVT sọ não không có tiêm thuốc đối quang	10
2	Chụp CLVT sọ não có tiêm thuốc đối quang	10
6	Chụp CLVT sọ não có dựng hình 3D	10
10	Chụp CLVT lồng ngực không tiêm thuốc đối quang i-ốt	10
11	Chụp CLVT lồng ngực có tiêm thuốc đối quang i-ốt	10
15	Chụp CLVT tầng trên ổ bụng thường quy	10
16	Chụp CLVT bụng-tiểu khung thường quy	10
18	Chụp CLVT hệ tiết niệu thường quy	10
19	Chụp CLVT tầng trên ổ bụng có khảo sát mạch các tạng	5
21	Chụp CLVT cột sống cổ không tiêm thuốc đối quang	10
23	Chụp CLVT cột sống cổ có dựng hình 3D	10
24	Chụp CLVT cột sống ngực không tiêm thuốc đối quang i-ốt	10
25	Chụp CLVT cột sống ngực có tiêm thuốc đối quang i-ốt	10
26	Chụp CLVT cột sống ngực có dựng hình 3D	10
27	Chụp CLVT cột sống thắt lưng không tiêm thuốc đối quang i-ốt	10
29	Chụp CLVT cột sống thắt lưng có dựng hình 3D	10
30	Chụp CLVT xương chi không tiêm thuốc đối quang i-ốt	5
II. CHỤP XQ		
1	Chụp Xquang sọ thẳng	10
2	Chụp Xquang sọ nghiêng	10
3	Chụp Xquang Hirtz	10
4	Chụp Xquang Blondeau	10
5	Chụp Xquang cột sống cổ thẳng	10
6	Chụp Xquang cột sống cổ nghiêng	10
7	Chụp Xquang cột sống cổ chéo	10
8	Chụp Xquang cột sống thẳng lưng thẳng	10
9	Chụp Xquang cột sống thẳng lưng nghiêng	10
10	Chụp Xquang cột sống thẳng lưng chéo	10
12	Chụp Xquang khớp vai thẳng	10
13	Chụp Xquang khớp vai nghiêng	10
14	Chụp Xquang khớp vai chéo	10
15	Chụp Xquang ngực thẳng	20
16	Chụp Xquang ngực nghiêng	5



19	Chụp Xquang xương cánh tay thẳng	10
20	Chụp Xquang xương cánh tay nghiêng	10
21	Chụp Xquang khớp khuỷu thẳng	10
22	Chụp Xquang khớp khuỷu nghiêng	10
23	Chụp Xquang khớp khuỷu gấp	10
24	Chụp Xquang xương cẳng tay thẳng	10
25	Chụp Xquang xương cẳng tay nghiêng	10
26	Chụp Xquang xương cổ tay thẳng	10
27	Chụp Xquang xương cổ tay nghiêng	10
28	Chụp Xquang xương bàn ngón tay thẳng	10
29	Chụp Xquang xương bàn ngón tay chéo	10
30	Chụp Xquang bụng không chuẩn bị	10
31	Chụp Xquang hệ tiết niệu không chuẩn bị	10
32	Chụp Xquang khung chậu thẳng	10
33	Chụp Xquang khớp háng thẳng hai bên	10
34	Chụp Xquang khớp háng nghiêng	10
35	Chụp Xquang xương đùi thẳng	10
36	Chụp Xquang xương đùi nghiêng	10
37	Chụp Xquang khớp gối thẳng	10
38	Chụp Xquang khớp gối nghiêng	10
39	Chụp Xquang xương cẳng chân thẳng nghiêng	10
40	Chụp Xquang xương cẳng chân nghiêng	10
41	Chụp Xquang xương cổ chân thẳng	10
42	Chụp Xquang xương cổ chân nghiêng	10
47	Chụp Xquang xương chính mũi nghiêng	10
53	Chụp Xquang cột sống ngực thẳng	10
54	Chụp Xquang cột sống ngực nghiêng	10
56	Chụp Xquang xương bánh chè thẳng	10
57	Chụp Xquang xương bánh chè nghiêng	10
58	Chụp Xquang xương gót thẳng	5
59	Chụp Xquang xương gót nghiêng	5
62	Chụp Xquang xương bả vai thẳng	10
63	Chụp Xquang xương bả vai nghiêng	10
64	Chụp Xquang cột sống cùng cột thẳng	5
65	Chụp Xquang cột sống cùng cột nghiêng	5
68	Chụp Xquang mặt thẳng	10
69	Chụp Xquang mặt nghiêng	10

72	Chụp Xquang sọ tiếp tuyến	5
73	Chụp Xquang mặt cao	5
74	Chụp Xquang mặt thấp	5
77	Chụp Xquang khớp thái dương hàm	5
78	Chụp Xquang răng cận chóp	10
81	Chụp Xquang đốt sống cổ C1 – C2	10
82	Chụp Xquang tư thế Schuller	5
85	Chụp Xquang phổi tư thế đỉnh phổi ưỡn	5
90	Chụp Xquang đường mật qua Kehr	5
92	Chụp Xquang đường rò	5
97	Chụp Xquang niệu đồ tĩnh mạch (UIV)	5
100	Chụp Xquang niệu đạo bàng quang ngược dòng	2
101	Chụp Xquang bàng quang trên xương mu	5

*** LƯỢNG GIÁ NGƯỜI HỌC VÀ LƯỢNG GIÁ CHƯƠNG TRÌNH ĐỐI VỚI CÁC CHỨC DANH KỸ THUẬT Y**

1. Điều kiện thi kết thúc chương trình

Giấy xác nhận của người hướng dẫn thực hành: Đạt.

2. Lượng giá kiến thức

Lượng giá kết thúc: câu hỏi trắc nghiệm với mức độ áp dụng theo phân bậc nhận thức của Bloom (dạng tình huống)

	Chẩn đoán	Điều trị	Chăm sóc	Phòng ngừa	Tổng cộng
Hội sức cấp cứu					
Chuyên ngành kỹ thuật y hình ảnh y học					
Tổng cộng					50-100

- Công cụ lượng giá: Bộ câu hỏi trắc nghiệm

3. Lượng giá thực hành:

Trình chuyên đề (tự chọn).

4. Điều kiện hoàn thành chương trình

- Điểm lý thuyết ≥ 5 .
- Điểm thi thực hành kết thúc ≥ 5 .

5. Người thực hành lượng giá chương trình đào tạo

Kết thúc mỗi chuyên khoa vào ngày cuối cùng, tất cả người thực hành phản hồi cho công tác huấn luyện đào tạo và chương trình theo mẫu thống nhất được đơn vị đào tạo của bệnh viện ban hành. Đây là cơ sở đảm bảo chất lượng và cải thiện chương trình liên tục.

→ Bảng câu hỏi lượng giá chương trình và công tác huấn luyện đào tạo.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh.
- Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ Y tế quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh
- Chương trình đào tạo ngành: kỹ thuật xét nghiệm y học của Trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp.
- Chương trình đào tạo ngành: kỹ thuật phục hồi chức năng của trường Cao đẳng Y tế Đồng tháp
- Kế hoạch thực tập bệnh viện cho sinh viên lớp Đại học Kỹ thuật hình ảnh Y học năm thứ 3 của trường Đại học Trà Vinh

**KHUNG CHƯƠNG TRÌNH HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH KHÁM BỆNH,
CHỮA BỆNH ĐỂ CẤP GIẤY PHÉP HÀNH NGHỀ
TẠI BỆNH VIỆN ĐA KHOA KHU VỰC THÁP MƯỜI**

(Kèm theo bản công bố số: 494/BVTM ngày 16 tháng 8 năm 2024
của Bệnh viện Đa khoa khu vực Tháp Mười)

ĐỐI VỚI CHỨC DANH Y SỸ

Đối tượng: Y sỹ chưa được cấp giấy phép hành nghề.

1. Mục tiêu

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo người Y sỹ đa khoa có kiến thức và năng lực thực hành nghề nghiệp để chăm sóc sức khỏe nhân dân, cho các đối tượng trong bệnh viện và ngoài cộng đồng; góp phần đáp ứng nhu cầu bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân.

1.2. Mục tiêu cụ thể

Người Y sỹ đa khoa có kiến thức cơ bản chuyên ngành y làm nền tảng cho các kỹ thuật chăm sóc sức khỏe nhân dân. Có kỹ năng thực hành nghề nghiệp cơ bản như sau:

- Khám, chẩn đoán và xử trí ban đầu các bệnh thông thường.
- Sử dụng và bảo quản được vật liệu, dụng cụ, thiết bị thuộc chuyên ngành y.
- Thực hiện công tác điều dưỡng cơ bản tại phòng khám, điều trị.
- Thực hiện công tác chăm sóc và giáo dục sức khỏe ban đầu ở cộng đồng, khám định kỳ, phát hiện sớm một số bệnh lý thông thường và tình trạng bất thường để xử trí hoặc chuyển tuyến trên.
- Tham gia các lớp đào tạo liên tục về chuyên ngành y và có khả năng tự học.

2. Khung chương trình thực hành 9 tháng y khoa

Tổng thời gian thực hành khám bệnh, chữa bệnh của y sỹ là 09 tháng theo quy định của Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ, được phân bổ như sau:

Chuyên khoa	Khoa thực hành	Thời gian	Ghi chú
2.1. Đối với y sỹ đa khoa			
Hồi sức cấp cứu	Khoa Cấp cứu - Hồi sức tích cực - Chống độc	3 tháng (480 tiết)	Bắt buộc
Nội khoa	+ Khoa Nội tổng hợp + Khoa Nội Tim mạch – Thần kinh - Lão học + Khoa Truyền nhiễm	2 tháng (320 tiết)	Chọn 2 khoa, trong đó có Nội Tổng hợp
Ngoại khoa	Khoa Ngoại tổng hợp	1,5 tháng (240 tiết)	
Sản phụ khoa	Khoa Phụ Sản	1 tháng (160 tiết)	
Nhi khoa	Khoa Nhi	1 tháng	

		(160 tiết)	
Chuyên khoa khác	Khoa Liên chuyên khoa	02 tuần (80 tiết)	
2.2. Đối với y sỹ y học cổ truyền			
Hồi sức và cấp cứu	Khoa Cấp cứu - Hồi sức tích cực - Chống độc	3 tháng (480 tiết)	Bắt buộc
Chuyên khoa	+ Khoa Y Dược cổ truyền + Khoa VLTL-PHCN	6 tháng (960 tiết)	

**** Lưu ý:**

- Học viên sẽ được kiểm tra, đánh giá kỹ năng khám bệnh, chữa bệnh sau khi kết thúc thực hành mỗi chuyên khoa.
- Lịch thực hành của học viên sẽ do Phòng Kế hoạch tổng hợp sắp xếp để phân bổ số lượng học viên hợp lý tại các khoa cùng một thời điểm.
- Học viên thực hành luân phiên, tập trung, toàn thời gian thời gian thực hành tại các khoa.
- Tại mỗi khoa, học viên tham gia thực hành và trực theo quy định của Bệnh viện.
- Học viên phải tham dự > 90% tổng thời lượng chương trình.
- Trường hợp phải dừng thực hành vì lý do sức khỏe hoặc vì các lý do bất khả kháng khác, người thực hành được hướng dẫn thực hiện thủ tục xin bảo lưu kết quả thực hành (theo quy định tại Điều 4 Nghị định 96/2023/CP-NĐ)

3. Nội dung

3.1. Lý thuyết:

STT	Tên môn học
1	Bệnh học nội khoa
2	Bệnh học ngoại khoa
3	Sức khoẻ trẻ em
4	Sức khoẻ sinh sản
5	Bệnh truyền nhiễm – xã hội
6	Y học cổ truyền
7	Thực tập lâm sàng kỹ thuật điều dưỡng
8	Thực tập lâm sàng nội khoa
9	Thực tập lâm sàng ngoại khoa
10	Thực tập lâm sàng nhi khoa
11	Thực tập lâm sàng sản phụ khoa
12	Thực tập lâm sàng bệnh truyền nhiễm
13	Thực tập lâm sàng y học cổ truyền

3.2. Thực hành

Do người hướng dẫn thực hành tại khoa đánh giá theo phụ lục X (đối với Y sỹ đa khoa) và phụ lục XI (đối với Y sỹ YHCT) trong Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế.

4. Lượng giá người học và lượng giá chương trình

4.1. Điều kiện thi kết thúc chương trình

Giấy xác nhận của người hướng dẫn thực hành: Đạt.

4.2. Lượng giá kiến thức

- Lượng giá kết thúc: câu hỏi trắc nghiệm với mức độ áp dụng theo phân bậc nhận thức của Bloom (dạng tình huống)

	Chẩn đoán	Điều trị	Chăm sóc	Phòng ngừa	Tổng cộng
Hồi sức cấp cứu					
Nội khoa					
Ngoại khoa					
Sản phụ khoa					
Nhi khoa					
Tai Mũi Họng					
Răng Hàm Mặt					
Mắt					
Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng					
Tổng cộng					50-100

- Công cụ lượng giá: Bộ câu hỏi trắc nghiệm

4.3. Lượng giá thực hành:

Trình chuyên đề (tự chọn)

4.4. Điều kiện hoàn thành chương trình

- Điểm lý ≥ 5 .
- Điểm thi thực hành kết thúc ≥ 5 .

4.5. Người thực hành lượng giá chương trình đào tạo

Kết thúc mỗi chuyên khoa vào ngày cuối cùng, tất cả người thực hành phản hồi cho công tác huấn luyện đào tạo và chương trình theo mẫu thống nhất được đơn vị đào tạo của bệnh viện ban hành. Đây là cơ sở đảm bảo chất lượng và cải thiện chương trình liên tục.

→ Bảng câu hỏi lượng giá chương trình và công tác huấn luyện đào tạo.

5. Tài liệu tham khảo

- Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh.

- Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ Y tế quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh

- Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành: y sỹ đa khoa trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp.